

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP
KHOA KINH TẾ & QUẢN TRỊ KINH DOANH



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO TRÊN ĐỊA BÀN
XÃ NGHĨA THUẬN, HUYỆN QUẢN BẠ, TỈNH HÀ GIANG**

Giáo viên hướng dẫn: Trần Thị Tuyết

Sinh viên thực hiện: Sền Thìn Bình

Mã Sinh viên : 1654020477

Lớp : K61- KTNN

Khóa học : 2016-2020



Hà Nội, 2021

MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ.....	1
CHƯƠNG 1.....	5
CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ GIẢM NGHÈO.....	5
1.1 Một số khái niệm cơ bản.....	5
1.1.1. Một số quan niệm về nghèo	5
1.1.2. Hộ nghèo	6
1.1.3. Xã nghèo	7
1.1.4. Chuẩn nghèo.....	7
1.2 Giảm nghèo	8
1.3 Các hoạt động triển khai nhằm giảm nghèo.....	9
1.3.1. Hỗ trợ sản xuất, dạy nghề, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người nghèo	9
1.3.2 Hỗ trợ về giáo dục và đào tạo	10
1.3.3 Hỗ trợ về y tế và dinh dưỡng	10
1.3.4. Hỗ trợ về nhà ở.....	10
1.3.5. Hỗ trợ người nghèo tiếp cận các dịch vụ trợ giúp pháp lý	11
1.3.6. Hỗ trợ và giải quyết việc làm cho hộ nghèo	11
1.4 Đánh giá giảm nghèo	11
1.4.1.Mục tiêu đánh giá giảm nghèo.....	11
1.4.2.Nhiệm vụ của đánh giá giảm nghèo.....	11
1.5 Các yếu tố ảnh hưởng đến công tác giảm nghèo	12
1.5.1. Các yếu tố chủ quan.....	12
1.5.2. Yếu tố khách quan.....	13
1.6 Hệ thống chỉ tiêu nghiên cứu	14
CHƯƠNG 2.....	16
ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN KINH TẾ XÃ HỘI TẠI XÃ NGHĨA THUẬN, HUYỆN QUẢN BẠ, TỈNH HÀ GIANG	16
2.1. Điều kiện tự nhiên.....	16
2.1.1. Vị trí địa lý	16
2.1.2. Địa hình.....	16
2.1.3. Đặc điểm về khí hậu.....	16
2.2. Điều kiện kinh tế xã hội của xã Nghĩa Thuận.....	18

2.2.1. Tình hình dân số và lao động	18
2.2.2. Tình hình sử dụng đất đai.....	22
2.2.3. Cơ sở vật chất kỹ thuật.....	24
2.3. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội của xã Nghĩa Thuận...	27
CHƯƠNG 3.....	30
THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO TẠI XÃ NGHĨA THUẬN, HUYỆN QUẢN BẠ, TỈNH HÀ GIANG	30
3.1 Thực trạng nghèo tại xã Nghĩa Thuận	30
3.2. Thực trạng triển khai các chương trình giảm nghèo tại xã Nghĩa Thuận giai đoạn 2018-2020.....	32
3.2.1. Các chương trình giảm nghèo ở xã Nghĩa Thuận	32
3.3. Phân tích nguyên nhân nghèo của các hộ qua kết quả điều tra.....	41
3.3.1. Nhân khẩu và lao động.....	41
3.3.2 Tình hình sản xuất của hộ	42
3.4. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới giảm nghèo của các hộ	45
3.4.1. Ảnh hưởng của các nhân tố chủ quan	45
3.4.2. Ảnh hưởng của các yếu tố khách quan	46
3.5 Đánh giá chung về công tác giảm nghèo tại xã Nghĩa Thuận.....	47
3.6. Một số giải pháp giảm nghèo tại xã Nghĩa Thuận	51
KẾT LUẬN	55



DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BHYT	Bảo hiểm y tế
BQ	Bình quân
CN – TTCN – XD	Công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp – xây dựng
GN	Giảm nghèo
KHCN	Khoa học công nghệ
KHKT	Khoa học kỹ thuật
LĐ	Lao động
LĐTBXH	Lao động thương binh xã hội
MTQG	Mục tiêu quốc gia
SL	Số lượng
SXNN	Sản xuất nông nghiệp
TNBQ	Thu nhập bình quân
UBMTTQ	Ủy ban mặt trận tổ quốc
UBND	Ủy ban nhân dân
XĐGN	Xóa đói giảm nghèo



LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành được bài khóa luận tốt nghiệp này, em xin chân thành gửi lời cảm ơn sâu sắc đến các quý thầy, cô giáo khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh trường Đại Học Lâm Nghiệp đã tận tình dạy dỗ, truyền đạt cho em những kiến thức quan trọng, cần thiết. Đặc biệt, em xin được gửi lời cảm ơn chân thành đến cô giáo, Th.s Trần Thị Tuyết đã nhiệt tình giúp đỡ em trong suốt thời gian làm khóa luận. Em cũng xin được cảm ơn đến UBND xã Nghĩa Thuận đã hết lòng hướng dẫn và tạo điều kiện thuận lợi cho em hoàn thành khóa luận của mình.

Với thời gian thực tập còn hạn chế, sự hiểu biết có hạn, khóa luận không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của thầy, cô giáo, các anh chị cùng với những người quan tâm để nội dung khóa luận được hoàn thiện hơn, có thể giải quyết một cách tốt nhất về công tác giảm nghèo cho người dân trên địa bàn xã Nghĩa Thuận.

Em xin chân thành cảm ơn !

Hà Nội, ngày 25 .tháng 5 năm 2021

Sinh viên thực hiện

Sên Thìn Bình



ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tính cấp thiết của đề tài

Việt Nam là một nước sản xuất nông nghiệp có thu nhập khá thấp so với các nước trên thế giới. Do vậy chính phủ Việt Nam đã thực hiện nhiều giải pháp, chương trình mục tiêu quốc gia về xóa đói giảm nghèo là một chiến lược lâu dài nhằm giảm tỷ lệ nghèo xuống thấp nhất có thể. Giảm nghèo ở nước ta đã đạt được những thành tựu quan trọng. Tuy nhiên kết quả giảm nghèo chưa bền vững, khoảng cách giàu nghèo giữa các vùng nhóm dân cư còn khá lớn, đời sống người nghèo nhìn chung vẫn còn khó khăn, nhất là ở khu vực miền núi, vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Hà Giang là một tỉnh phía Đông Bắc của nước ta, với số hộ nghèo còn khá cao khả năng tiếp cận với các dịch vụ còn hạn chế đặc biệt là bà con vùng cao, vùng dân tộc thiểu số. Đời sống của người dân chủ yếu dựa vào nông nghiệp là chính, tập quán canh tác truyền thống lạc hậu nên thu nhập không cao, tình trạng hộ nghèo còn phổ biến ở các địa phương.

Nghĩa Thuận là xã thuộc huyện Quản Bạ tỉnh Hà Giang là một xã vùng sâu, vùng xa của huyện cách thị trấn huyện Quản Bạ 20 km, gồm có 6 dân tộc: Mông, Nùng, Dao, Tày, Kinh, Hoa là một xã ở khu vực miền núi vùng sâu, vùng xa đặc biệt khó khăn địa hình chủ yếu là đồi núi, giao thông đi lại còn khó khăn ảnh hưởng không nhỏ tới quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Tỷ lệ hộ nghèo còn cao nên công tác giảm nghèo ở xã luôn là vấn đề cấp thiết và nan giải, nguồn thu nhập chính của người dân là chăn nuôi, trồng trọt và lấy các sản phẩm có người thu mua ở trong rừng nên thu nhập còn rất thấp và không ổn định dẫn đến tình trạng nghèo còn phổ biến ở xã. Vậy tình hình thực hiện các chương trình xóa đói giảm nghèo của xã trong năm qua như thế nào? Tình hình sản xuất kinh doanh của hộ trong những năm qua dưới sự hỗ trợ của các chương trình xóa đói giảm nghèo có những thay đổi ra sao? Sự thay đổi về thu nhập và bộ mặt nông thôn tại địa bàn những năm qua dưới tác động của các chương trình đó có được cải thiện?...Xuất phát từ thực tế trên tôi tiến

hành nghiên cứu đề tài: “*Thực trạng công tác giảm nghèo trên địa bàn xã Nghĩa Thuận, huyện Quán Bạ, tỉnh Hà Giang.*”

2. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài

2.1. Mục tiêu tổng quát

Đánh giá thực trạng giảm nghèo và tìm ra nguyên nhân chính ảnh hưởng đến nghèo trên địa bàn xã từ đó đề xuất giải pháp giảm nghèo tại xã Nghĩa Thuận, huyện Quán Bạ, tỉnh Hà Giang.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Góp phần hệ thống hóa lý luận về nghèo và giảm nghèo.
- Phân tích điều kiện tự nhiên - kinh tế xã hội xã Nghĩa Thuận.
- Đánh giá thực trạng nghèo của các hộ dân trên địa bàn xã Nghĩa Thuận.
- Đề xuất một số giải pháp góp phần tăng cường hiệu quả giảm nghèo, nâng cao đời sống của hộ nghèo.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Thực trạng giảm nghèo tại xã Nghĩa Thuận.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi về nội dung

Nghiên cứu thực trạng giảm nghèo tại xã Nghĩa Thuận, huyện Quán Bạ, tỉnh Hà Giang.

Phạm vi về không gian

Đề tài nghiên cứu tại địa bàn xã Nghĩa Thuận.

Phạm vi về thời gian

Số liệu thứ cấp của xã được thu thập từ năm 2018 – 2020.

Số liệu sơ cấp được thu thập qua khảo sát năm 2020.

4. Nội dung nghiên cứu

- Cơ sở lý luận về giảm nghèo.
- Đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội ở địa bàn xã Nghĩa Thuận.
- Thực trạng giảm nghèo tại xã.

- Chính sách hỗ trợ giảm nghèo tại xã Nghĩa Thuận.
- Giải pháp giảm nghèo tại xã Nghĩa Thuận.

5. Phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp thu thập số liệu

5.1.1. Số liệu thứ cấp

Kế thừa có chọn lọc các tài liệu liên quan đến đề tài nghiên cứu gồm:

Điều kiện tự nhiên kinh tế - xã hội tại xã Nghĩa Thuận; Các số liệu, văn bản có liên quan đến giảm nghèo tại xã.

5.1.2. Số liệu sơ cấp

Chọn điểm và mẫu nghiên cứu

Xã Nghĩa Thuận có 9 thôn được chia làm 2 khu vực khác nhau về điều kiện tự nhiên và địa hình, trình độ phát triển của xã. Vì vậy, tôi tiến hành lựa chọn 3 thôn: Khủng Cáng, Tả Súng Chư, Ma Sào Phố là các thôn được chọn làm điểm nghiên cứu bởi thôn này đại diện cho các vị trí, tỷ lệ hộ nghèo đặc trưng của xã.

Chọn mẫu nghiên cứu được tính theo công thức sau:

$$n = N / (1 + N \times e^2)$$

Trong đó:

N: là tổng thể mẫu

n: là số mẫu cần thiết điều tra

e: là mức ý nghĩa thống kê

Tính đến năm 2020, xã Nghĩa Thuận có tổng số: 731 hộ = 3521 nhân khẩu ta tính được số mẫu cần thiết điều tra là: 90 mẫu với 40 hộ cận nghèo và 50 hộ nghèo với $e=10\%$; Trong số 731 hộ có 399 hộ nghèo, 160 hộ cận nghèo còn lại là hộ không nghèo chia theo tỷ lệ trên số hộ cần điều tra tương ứng sẽ là 399 hộ nghèo, 160 hộ cận nghèo. Để đưa ra các đề xuất hiệu quả và khách quan nên tác giả điều tra thêm cả hộ không nghèo.

Tiêu chí chọn hộ như sau:

(1) Hộ nghèo

- Có thu nhập bình quân đầu người/ tháng đủ từ 700.000 đồng trở xuống.

- Có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 700.000 đồng đến 1.000.000 đồng và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

(2) Hộ cận nghèo

Là hộ có thu nhập bình quân đầu người/ tháng trên 700.000 đồng đến 1.000.000 đồng và thiếu hụt dưới 3 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

5.2. Phương pháp phân tích, xử lý số liệu

Phương pháp thống kê mô tả: Phương pháp này được dùng để mô tả các điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội. Sự phân bố hộ nghèo các chỉ tiêu về tình hình đói nghèo trên địa bàn xã Nghĩa Thuận.

Phương pháp thống kê so sánh: Sử dụng phương pháp thống kê so sánh số liệu biến động qua các năm về kinh tế, xã hội. So sánh với tình trạng nghèo, thu nhập của các hộ qua các năm.

Số liệu được xử lý chủ yếu là công cụ excel.

6. Kết cấu của khóa luận

Ngoài mở đầu, mục lục, các bảng biểu, kết luận, nội dung khóa luận gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về giảm nghèo.

Chương 2: Điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội tại xã Nghĩa Thuận, huyện Quán Bạ, tỉnh Hà Giang.

Chương 3: Thực trạng công tác giảm nghèo tại xã Nghĩa Thuận, huyện Quán Bạ, tỉnh Hà Giang.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ GIẢM NGHÈO

1.1 Một số khái niệm cơ bản

1.1.1. Một số quan niệm về nghèo

Trước đây người ta thường đánh đồng nghèo đói với mức thu nhập thấp. Coi thu nhập là tiêu chí chủ yếu để đánh giá sự nghèo đói của con người. Quan niệm này có ưu điểm là thuận lợi trong việc xác định số người nghèo dựa theo chuẩn nghèo, ngưỡng nghèo. Nhưng thực tế đã chứng minh việc xác định đói nghèo theo thu nhập chỉ đo được một phần của cuộc sống. Thu nhập thấp không phản ánh hết được các khía cạnh của đói nghèo, nó không cho chúng ta biết được mức khốn khổ và cơ cực của những người nghèo.

Việt Nam thừa nhận định nghĩa chung về nghèo đói do hội nghị chống nghèo đói khu vực Châu Á-Thái Bình Dương (ESCAP) tổ chức tại Bangkok-Thái Lan vào tháng 9 năm 1993: “ Nghèo khổ là tình trạng một bộ phận dân cư không có khả năng thỏa mãn những nhu cầu cơ bản của con người, mà những nhu cầu ấy phụ thuộc vào trình độ phát triển kinh tế-xã hội, phong tục tập quán của từng vùng và nhưng phong tục ấy được xã hội thừa nhận.

Hội nghị bàn về giảm nghèo đói ở khu vực Châu Á -Thái Bình Dương do ESCAP tổ chức tháng 9 năm 1993 tại Bangkok - Thái Lan còn đưa ra khái niệm về định nghĩa đói nghèo: Đói nghèo bao gồm nghèo tuyệt đối và nghèo tương đối

Nghèo tuyệt đối: Là tình trạng một bộ phận dân cư không được hưởng và thỏa mãn những nhu cầu cơ bản của con người mà những nhu cầu này đã được xã hội thừa nhận tùy theo trình độ phát triển kinh tế và phong tục tập quán của địa phương.

Nghèo tương đối: Là tình trạng một bộ phận dân cư sống dưới mức trung bình của cộng đồng.

Năm 1998 UNDP công bố một bản báo cáo nhan đề “Khắc phục sự nghèo khổ của con người” đã đưa ra định nghĩa về nghèo.

Lý luận về vấn đề nghèo đói thì có rất nhiều quan niệm khác nhau của các tổ chức, các quốc gia trên thế giới, cũng như ở Việt Nam. Song quan niệm thống nhất cho rằng: *“Nghèo là tình trạng một bộ phận dân cư có mức thu nhập thấp với điều kiện ăn, mặc, ở và nhu cầu cần thiết khác bằng hoặc thấp hơn mức tối thiểu để duy trì cuộc sống ở một khu vực tại một thời điểm nhất định”*.

❖ Quan điểm ở Việt Nam

Ở nước ta căn cứ vào tình hình kinh tế xã hội và mức thu nhập của nhân dân trong những năm qua đói và nghèo được chia ra làm hai khái niệm riêng biệt:

Theo tác giả Nguyễn Vũ Phúc, 2013 nghèo: Nghèo là tình trạng một bộ phận dân cư chỉ có điều kiện thoả mãn một phần những nhu cầu tối thiểu cơ bản của cuộc sống và có mức sống thấp hơn mức sống trung bình của cộng đồng xét trên mọi phương diện.

Ngoài ra cũng có những quan niệm khác về nghèo mang tính triết lý hơn của chuyên gia hàng đầu Tổ chức Lao động quốc tế (ILO)- ông Abapia Sen, người được giải thưởng NooBen về kinh tế 1998 cho rằng *“Nghèo là sự thiếu cơ hội lựa chọn tham gia vào quá trình phát triển của cộng đồng”*.

Qua các định nghĩa trên, ta có thể đưa ra định nghĩa chung về nghèo như sau: *“Nghèo là tình trạng một bộ phận dân cư không có những điều kiện về cuộc sống như ăn, mặc, ở, vệ sinh, y tế, giáo dục, đi lại”*.

1.1.2. Hộ nghèo

Khái niệm về hộ nghèo: Hộ nghèo là tình trạng của một số hộ gia đình chỉ thoả mãn một phần nhu cầu tối thiểu của cuộc sống và có mức sống thấp hơn mức sống trung bình của cộng đồng đang xét trên mọi phương diện.

Theo một cách định nghĩa khác: Hộ nghèo là tình trạng của một số hộ gia đình chỉ thoả mãn một phần nhu cầu tối thiểu của cuộc sống và có mức sống thấp hơn mức sống trung bình của cộng đồng xét trên mọi phương diện.

Theo cách đánh giá của Bộ LĐTBXH thì hộ nghèo là hộ có mức thu nhập bình quân đầu người thấp hơn chuẩn nghèo, trong hộ nghèo, lại có các

hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn đây là các hộ gia đình dân tộc sống ở miền núi, vùng sâu, vùng xa vùng có mức thu nhập thấp hơn chuẩn nghèo.

1.1.3. Xã nghèo

Khái niệm về xã nghèo: Xã nghèo là xã có tỷ lệ hộ nghèo cao hơn 40% số hộ của xã và không có hoặc thiếu rất nhiều những công trình cơ sở hạ tầng như: Điện sinh hoạt, đường giao thông, trường học. Trạm y tế và nước sinh hoạt, trình độ dân trí thấp, tỷ lệ người mù chữ cao.

Xã nghèo là xã có những đặc trưng như sau: Không có hoặc thiếu rất nhiều những công trình cơ sở hạ tầng như điện sinh hoạt, đường giao thông, trường học, trạm y tế và nước sinh hoạt. Trình độ dân trí thấp, tỷ lệ người mù chữ cao.

Ngoài ra, theo cách đánh giá của Bộ LĐTBXH thì Xã nghèo là xã có tỷ lệ hộ nghèo cao ($> 25\%$), chưa đủ từ 3 đến 6 hạng mục cơ sở cần thiết như: chưa có đường ô tô đến trung tâm xã, số phòng học chỉ đáp ứng 70% nhu cầu học của học sinh hoặc số phòng học tạm bợ bằng tranh tre, nứa lá, chưa có trạm y tế hoặc có nhưng là nhà tạm, dưới 30% số hộ được sử dụng nước sạch, dưới 50% số hộ được sử dụng điện sinh hoạt... Trong các xã nghèo các xã đặc biệt khó khăn đây là các xã được hỗ trợ và được công nhận theo Quyết định số 135/1998/QĐ-Ttg của Thủ tướng Chính phủ.

1.1.4. Chuẩn nghèo

Chuẩn nghèo là đại lượng thay đổi theo thời gian chứ không phải đại lượng bất biến. Tại Việt Nam ngưỡng nghèo được đánh giá thông qua chuẩn nghèo, dựa trên các tính toán của các cơ quan chức năng như Tổng cục Thống kê hay Bộ LĐTBXH. Chuẩn nghèo theo Tổng cục Thống kê được xác định dựa trên cách tiếp cận của Ngân hàng Thế giới (WB), gồm hai mức:

Nghèo lương thực thực phẩm: tổng chi dùng chỉ tính riêng cho phần lương thực thực phẩm, làm sao để đảm bảo lượng dinh dưỡng tối thiểu cho một người là 2100 kcal/ngày đêm

Nghèo chung: tổng chi dùng cho cả giỏ hàng tiêu dùng tối thiểu, được

xác định bằng cách ước lượng tỷ lệ: 70% chi dùng dành cho lương thực thực phẩm, 30% cho các khoản còn lại (Ngân hàng Thế Giới, 2006).

Ở Việt Nam Bộ LĐTBXH là cơ quan thường trực trong việc thực hiện xóa đói giảm nghèo. Cơ quan này đã đưa ra các mức xác định khác nhau về nghèo đói tùy theo từng thời kỳ phát triển của đất nước. Từ 1993 đến nay chuẩn nghèo đã được điều chỉnh qua 7 giai đoạn, cụ thể chuẩn nghèo cho 3 giai đoạn gần đây nhất:

a) Chuẩn nghèo giai đoạn 2006-2010

Khu vực nông thôn: Những hộ có mức thu nhập bình quân từ 200.000 đồng/tháng (2.400.000 đồng/người/năm) trở xuống là hộ nghèo.

Khu vực thành thị: Những hộ có mức thu nhập bình quân 260.000 đồng/người/tháng (dưới 3.120.000 đồng/người/năm) trở xuống là hộ nghèo.

b) Chuẩn nghèo giai đoạn 2010-2015

Hộ nghèo ở nông thôn có mức thu nhập bình quân từ 400.000 đồng/người/tháng. (dưới 4.800.000đồng/người/năm) trở xuống. Hộ nghèo ở thành thị là hộ có mức thu nhập bình quân từ 500.000 đồng/người/tháng. (dưới 6.000.000 đồng/người/năm) trở xuống.

Hộ cận nghèo ở nông thôn là hộ có mức thu nhập bình quân từ 401.000 đồng đến 520.000 đồng/người/tháng. Hộ cận nghèo ở thành thị là hộ có mức thu nhập bình quân từ 501.000 đồng đến 650.000 đồng/người/tháng.

c) Chuẩn nghèo giai đoạn 2016-2020

Chuẩn nghèo: 700.000 đồng/người/tháng ở khu vực nông thôn và 900.000 đồng/người/tháng ở khu vực thành thị.

Chuẩn cận nghèo: 1.000.000 đồng/người/tháng ở khu vực nông thôn và 1.300.000 đồng/người/tháng ở khu vực thành thị.

1.2 Giảm nghèo

Giảm nghèo: Giảm nghèo là làm cho bộ phận dân cư nâng cao mức sống, từng bước thoát khỏi tình trạng nghèo. Điều này được thể hiện ở tỉ lệ phần trăm và số lượng người nghèo giảm xuống. Hay giảm nghèo là quá trình

chuyển bộ phận nghèo lên mức sống cao hơn.

Xóa đói giảm nghèo là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta nhằm cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho người nghèo, thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển giữa các vùng, địa bàn và giữa các dân tộc, nhóm dân cư bao gồm các lĩnh vực cụ thể như: Kinh tế, nâng cao đời sống văn hóa, xã hội, nâng cao trình độ giáo dục, chất lượng giáo dục và cải thiện môi trường phát triển kinh tế theo hướng bền vững gắn với bảo vệ môi trường.

Các chương trình, dự án xóa đói giảm nghèo

Chương trình mục tiêu quốc gia Xóa đói giảm nghèo và việc làm bao gồm các dự án và chương trình:

- Nhóm các dự án Xóa đói giảm nghèo chung.
- Nhóm các dự án Xóa đói giảm nghèo cho các xã nghèo nằm ngoài chương trình 135.
- Nhóm chương trình 135.
- Nhóm Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo hay còn gọi là chương trình 30^a.
- Nhóm Chương trình hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn hay còn gọi là chương trình 134.
- Nhóm chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020

1.3 Các hoạt động triển khai nhằm giảm nghèo

1.3.1. Hỗ trợ sản xuất, dạy nghề, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người nghèo

- Tạo điều kiện thuận lợi cho người nghèo tiếp cận các nguồn vốn vay tín dụng, gắn với việc hướng dẫn cách làm ăn, khuyến nông, khuyến công và chuyển giao kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất; thực hiện có hiệu quả chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo, nhất là hộ có người khuyết tật, chủ hộ là phụ nữ.
- Thực hiện tốt chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn, nhất là

lao động nghèo; ưu tiên nguồn lực đầu tư cơ sở trường, lớp học, thiết bị, đào tạo giáo viên dạy nghề; gắn dạy nghề với tạo việc làm đối với lao động nghèo. Mở rộng, áp dụng chính sách hỗ trợ xuất khẩu lao động đối với lao động nghèo trên cả nước.

1.3.2 Hỗ trợ về giáo dục và đào tạo

- Thực hiện có hiệu quả chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ học bổng, trợ cấp xã hội và hỗ trợ chi phí học tập đối với học sinh nghèo ở các cấp học, nhất là bậc mầm non; tiếp tục thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi đối với học sinh, sinh viên, nhất là sinh viên nghèo.

- Thực hiện chính sách ưu đãi, thu hút đối với giáo viên công tác ở địa bàn khó khăn; khuyến khích xây dựng và mở rộng “Quỹ khuyến học”; ưu tiên đầu tư trước để đạt chuẩn cơ sở trường, lớp học ở các xã nghèo, thôn, bản đặc biệt khó khăn.

1.3.3 Hỗ trợ về y tế và dinh dưỡng

- Thực hiện có hiệu quả chính sách cấp thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo, hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế đối với người thuộc hộ cận nghèo; xây dựng chính sách hỗ trợ người nghèo mắc bệnh nặng, bệnh hiểm nghèo. Nghiên cứu chính sách hỗ trợ việc cung cấp dinh dưỡng cho phụ nữ, trẻ em nghèo ở địa bàn nghèo.

- Tăng cường hơn nữa chính sách ưu đãi, thu hút đối với cán bộ y tế công tác ở địa bàn nghèo. Ưu đãi đầu tư trước để đạt chuẩn cơ sở bệnh viện, trạm y tế ở các huyện, xã nghèo.

1.3.4. Hỗ trợ về nhà ở

Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ về nhà ở cho hộ nghèo khu vực nông thôn, miền núi để cải thiện nhà ở, ưu tiên hộ nghèo ở người cao tuổi, người khuyết tật. Xây dựng cơ chế, chính sách của địa phương để hỗ trợ nhà ở đối với người nghèo ở đô thị trên cơ sở huy động nguồn lực của cộng đồng, gia đình, dòng họ. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chương trình đầu tư xây dựng nhà ở cho người có thu nhập thấp.

1.3.5. Hỗ trợ người nghèo tiếp cận các dịch vụ trợ giúp pháp lý

Thực hiện có hiệu quả chính sách trợ giúp pháp lý miễn phí cho người nghèo, tạo điều kiện cho người nghèo hiểu biết quyền, nghĩa vụ của mình, chủ động tiếp cận các chính sách trợ giúp của Nhà nước, vươn lên thoát nghèo.

1.3.6. Hỗ trợ và giải quyết việc làm cho hộ nghèo

Mở các lớp tập huấn kỹ thuật nông, lâm, ngư nghiệp cho các hộ dân nghèo, đồng thời tạo đầu ra cho sản phẩm của người dân tiếp cận với thị trường thông qua liên kết với các công ty, doanh nghiệp....Đào tạo người dân tiếp cận với các lớp học nghề, đồng thời cho phép tuyển dụng vào các cơ sở xí nghiệp tương ứng.

1.4 Đánh giá giảm nghèo

1.4.1. Mục tiêu đánh giá giảm nghèo

Đánh giá xóa đói giảm nghèo là sự nhìn nhận, phân tích có cơ sở dựa trên các số liệu thu thập của địa phương để từ đó đề xuất các phương án giải pháp cải thiện và từng bước nâng cao điều kiện sống của người nghèo, ưu tiên người nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số, người nghèo thuộc huyện nghèo, xã biên giới, xã an toàn khu, xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện về công tác giảm nghèo ở các vùng nghèo; góp phần thu hẹp khoảng cách chênh lệch về mức sống giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng, các dân tộc và các nhóm dân cư.

1.4.2. Nhiệm vụ của đánh giá giảm nghèo

Nhằm đưa ra những mặt tích cực và mặt còn tồn tại để xử lý từ đó có những biện pháp tác động nhằm nâng cao đời sống người dân của xã về kinh tế, văn hóa xã hội, môi trường và bộ mặt nông thôn.

Để đạt được mục tiêu đề ra là giảm nghèo chúng ta cần phải áp dụng nhiều biện pháp giảm nghèo khác nhau nhằm giải quyết căn bản vấn đề đói nghèo, song sau mỗi dự án mỗi chương trình xóa đói giảm nghèo đã thực hiện thì luôn tồn tại những bất cập cần được giải quyết để từ đó ta có thể có những hướng giải quyết, biện pháp xóa đói giảm nghèo hiệu quả hơn đó là một phần

lý giải việc cần thiết phải thực hiện đánh giá tình hình xóa đói giảm nghèo.

Đánh giá xóa đói giảm nghèo trên nhiều khía cạnh:

- Về kinh tế: Phân tích đánh giá thu nhập của hộ, hướng sản xuất, mô hình, quy mô sản xuất của hộ, biến động thu nhập của hộ trong những năm qua dưới tác động của sự hỗ trợ chương trình xóa đói giảm nghèo.

- Về văn hóa xã hội, đời sống: Đời sống nông thôn, trình độ dân trí, số trẻ đến trường, tỷ lệ thất nghiệp, mức sống của người dân,...

1.5 Các yếu tố ảnh hưởng đến công tác giảm nghèo

1.5.1. Các yếu tố chủ quan

- *Kinh nghiệm của các hộ*

Nhà nước có nhiều chủ trương, dự án lớn đẩy lùi đói nghèo như chương trình 135, 30a, 134, chương trình MTQG giảm nghèo bền vững...Tuy nhiên không chỉ vậy mà hết nghèo được, nếu như bản thân người nghèo không có ý chí thoát nghèo. Bản thân người nghèo đều có thể quyết định cuộc sống của bản thân họ. Nhưng vấn đề đặt ra là dựa vào hỗ trợ cấp trên, từ đó sinh ra tâm lý ỷ lại, thiếu quyết tâm thoát nghèo nên việc thực hiện các chương trình chính sách xóa đói giảm nghèo gặp nhiều khó khăn. Đặc biệt là vùng sâu vùng xa, vùng dân tộc thiểu số họ mong muốn được trở thành hộ nghèo để nhận hỗ trợ từ nhà nước. Muốn giảm nghèo trước hết phải thay đổi tư duy của người nghèo và thực hiện tốt các chương trình giảm nghèo, từ đó công tác xóa đói giảm nghèo sẽ thuận lợi và giảm nghèo một cách bền vững, tránh tình trạng tái nghèo.

- *Nguồn vốn:*

Để công tác xóa đói giảm nghèo hiệu quả và thành công, trước hết phải tuân thủ các quy định hiện hành trong triển khai thực hiện chương trình hỗ trợ giảm nghèo là cần thiết, song cần có cơ chế thực hiện rõ ràng, linh hoạt, nhằm tăng hiệu quả hỗ trợ và đầu tư.

Nguồn kinh phí thực hiện chương trình từ ngân sách Nhà nước thường đáp ứng được 2/3 nhu cầu thực tế do đó cần lựa chọn ưu tiên đầu tư thích hợp

và tranh thủ huy động vốn góp từ cộng đồng. Bên cạnh đó, kinh phí được huy động từ việc lồng ghép các chương trình dự án giảm nghèo được thực hiện trên địa bàn.

- Cán bộ thực hiện các chương trình hỗ trợ xóa đói giảm nghèo

Năng lực của cán bộ công đồng, năng lực cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh ảnh hưởng đến công tác lập kế hoạch, thẩm định, phê duyệt, giải ngân, giám sát và đánh giá các hoạt động hỗ trợ giảm nghèo. Vì vậy căn cứ vào năng lực của cơ quan thực thi chương trình hỗ trợ giảm nghèo để lập kế hoạch giảm nghèo hỗ trợ giảm nghèo. Mặt khác, phải nâng cao năng lực của cán bộ các ngành, các cấp trong triển khai và quản lý chương trình hỗ trợ giảm nghèo.

1.5.2. Yếu tố khách quan

- Trình độ phát triển kinh tế- xã hội của địa phương

Địa phương có nền kinh tế kém phát triển, khiến cho đời sống người dân thấp, không đảm bảo, khiến cho đói nghèo tăng cao. Thực tế cho thấy kinh tế chưa thực sự ổn định, tác động của nó lên người nghèo nói riêng và người dân trên địa bàn nói chung là rất lớn, nó không chỉ gây ra tình trạng thiếu việc làm, thiếu cơ sở vật chất mà còn kìm hãm sự phát triển của con người, như vậy người dân rơi vào cảnh nghèo khó là khó tránh phải.

- Vị trí địa lý : Đây chính là nguyên nhân chính dẫn đến tỷ lệ đói nghèo cao, do điều kiện như vậy họ khó tiếp cận được các nguồn lực phát triển kinh tế chủ yếu là tự cấp, tự túc là yếu tố khách quan tác động mạnh mẽ đến vấn đề đói nghèo.

- Điều kiện tự nhiên: Điều kiện tự nhiên có ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất nông nghiệp, do đặc điểm địa lí, do thiên tai, do khí hậu có thể do chính con người gây ra, khiến cho dịch bệnh diễn ra thường xuyên làm cho hiệu quả sản xuất nông nghiệp không cao, dẫn đến thu nhập của người dân thấp, tỷ lệ đói nghèo tăng cao.

- Cơ sở hạ tầng của địa phương kém phát triển, kìm hãm sự phát triển của địa phương, khi đường xá đi lại khó khăn, việc trao đổi mua bán giữa các vùng khó khăn, đặc biệt là vùng núi, vùng sâu, vùng xa nơi có tỷ lệ hộ nghèo

cao nhất nước ta, khi hàng hóa nông sản sản xuất ra không thể mang ra ngoài mua bán được người dân phải bán tại địa phương với giá rẻ, việc vận chuyển hàng hóa trên địa phương cũng gặp cản trở do đường giao thông kém, khiến cho nghèo đói ngày càng tăng. Bên cạnh đó việc tiếp cận với các dịch vụ khuyến nông, giáo dục, chăm sóc sức khỏe, tiếp cận với các kiến thức hiện đại của người dân khó khăn do vậy họ không có kiến thức để dễ thoát nghèo

- *Tệ nạn xã hội*: Các hoạt động tuyên truyền về vấn đề xã hội ảnh hưởng tới kinh tế của hộ. Vậy nên khó khăn cho người dân tại địa phương trong việc tiếp cận với các nguồn thông tin từ bên ngoài cũng như việc thoát nghèo, nâng cao đời sống.

1.6 Hệ thống chỉ tiêu nghiên cứu

❖ Nhóm chỉ tiêu về thu nhập

Chỉ tiêu về thu nhập: Là chỉ tiêu phản ánh mức sống của một người và là cơ sở phân loại hộ nghèo.

- Thu nhập bình quân đầu người trên năm.
- Thu nhập bình quân trên khẩu.
- Thu nhập bình quân của hộ nghèo.
- Tổng thu nhập gia đình = Thu nhập nông nghiệp + thu nhập phi nông nghiệp + Thu nhập từ làm thuê + Thu nhập khác

Ý nghĩa: mức thu nhập của nông hộ cao tức là có điều kiện và khả năng để tận dụng được thời gian nhàn rỗi của lao động nhàn.

❖ *Nhóm chỉ tiêu về phân bổ và sử dụng vốn của các dự án chương trình xóa đói giảm nghèo tại xã.*

- Vốn tín dụng cho vay ưu đãi với hộ nghèo.
- Vốn hỗ trợ sản xuất.

Cần phải xem xét, đánh giá theo trình tự ứng với mỗi chương trình dự án: Đơn vị, cơ quan cấp vốn; số vốn cấp; địa bàn, đơn vị hưởng vốn; kế hoạch sử dụng vốn; thực hiện; kết quả của nguồn vốn đó đem lại trong việc giảm nghèo (số hộ thoát nghèo, thu nhập của hộ,...).

- ❖ Nhóm chỉ tiêu về phản ánh đánh giá tình hình giảm nghèo
 - Thay đổi thu nhập bình quân theo các năm
 - Thay đổi về sản xuất và kết quả sản xuất : Nông nghiệp, trồng trọt, chăn nuôi, dịch vụ.
 - Thay đổi các kết quả về tỷ lệ hộ nghèo qua các năm.



CHƯƠNG 2

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN KINH TẾ XÃ HỘI TẠI XÃ NGHĨA THUẬN, HUYỆN QUẢN BẠ, TỈNH HÀ GIANG

2.1. Điều kiện tự nhiên

2.1.1. Vị trí địa lý

Xã Nghĩa Thuận cách trung tâm huyện Quản Bạ 20 km về phía tây nam, có tổng diện tích tự nhiên là 3.986,54 ha, giới hạn tọa độ địa lý và ranh giới như sau:

Phía Bắc và Tây Bắc giáp với cộng hòa nhân dân Trung Hoa

Phía Đông: Giáp xã Bát Đại Sơn của huyện Quản Bạ

Phía Nam: Giáp xã Thanh Vân, xã Tùng Vài, xã Cao Mã Pờ của huyện Quản Bạ.

2.1.2. Địa hình

Nghĩa Thuận là một xã có đồi núi dốc lớn so với các xã khác trên địa bàn huyện Quản Bạ. Là một xã vùng cao, có độ dốc chiếm 70%. Có thể chia thành 2 vùng sau:

-Vùng đồng bằng gồm 2 thôn Cốc Pục, Ma Sào Phố.

-Vùng đồi núi đất dốc gồm thôn Tả Súng Chư, Khủng Cáng, Xín Cái, Na Cho Cai, Na Linh, Phấn Ứng, Pả Láng.

Địa hình miền núi phức tạp gây khó khăn không nhỏ đến khả năng sử dụng đất cho mục đích sản xuất nông lâm nghiệp như lũ lụt, lũ quét, sạt lở cơ giới hoá sản xuất nông nghiệp, cải tạo đồng ruộng...

2.1.3. Đặc điểm về khí hậu

- Khí hậu

Xã Nghĩa Thuận nằm ở vùng nhiệt đới gió mùa mang những đặc điểm riêng so với nhiệt độ của toàn huyện nóng ẩm hơn các xã khác. Mùa mưa từ tháng 5-10, mùa khô từ tháng 11-4 hàng năm.

Đặc biệt mùa mưa thường có nhiệt độ trung bình tháng trong năm là, 20,5°C nhiệt độ tháng cao nhất là 35,5°C (từ tháng 6,7,8) độ ẩm trung bình là

80%. Với khí hậu như vậy đã làm ảnh hưởng đến tình hình sản xuất nông nghiệp của nhân dân.

-Thủy văn

Xã Nghĩa Thuận là một xã có địa hình tương đối dốc thuận lợi cho việc tưới tiêu sản xuất, các hệ thống nguồn nước phân bố không đồng đều nguồn nước sử dụng cho việc tưới tiêu chủ yếu là 2 thôn ở đồng bằng, còn lại 7 thôn vùng cao chủ yếu là các mạch nước từ đồi rừng và nước mưa. Do vậy 70% người dân của xã vẫn còn thiếu nước tưới tiêu sản xuất và sinh hoạt nhất là mùa khô.

- Tài nguyên khoáng sản

Căn cứ trên những cứ liệu về cấu trúc địa chất, các nhà khoa học đã dự báo rằng Nghĩa Thuận là một địa bàn có tiềm năng và triển vọng lớn về khoáng sản như sắt, mangan, chì, thiếc, atimon, vàng, đá quý...

Sắt ở dạng manhetit-hematit-sunfua đã từng lấy ở Nghĩa Thuận, cũng ở khu vực này còn có mỏ chì-kẽm, quặng rất phong phú và đa dạng.

- Tài nguyên rừng

Là một xã vùng núi cao, núi đồi chiếm hơn 3/4 diện tích, môi trường thuận lợi cho thực vật tự nhiên cũng như rừng trồng phát triển. Rừng là thế mạnh kinh tế chủ yếu của xã và còn có ý nghĩa lớn về khoa học và bảo vệ môi trường. Do đặc điểm địa hình, thổ nhưỡng, khí hậu, rừng khá phong phú và được coi là một trong những khu vực đặc trưng của kiểu loại rừng á nhiệt đới, với nhiều chủng loại. Diện tích rừng là 56.330 ha, đất trồng cho quy hoạch lâm nghiệp 12.200 ha.

Những năm gần đây được sự quan tâm của các cấp, các ngành rừng trên địa bàn xã được bảo vệ và chăm sóc, tuy nhiên diện tích rừng ngày một giảm đi cả về số lượng và chất lượng. Cơ cấu cây trồng khá đa dạng và phong phú. Một số loại cây có giá trị kinh tế như keo, xoan, luồng... Ngoài ra còn một số loại lâm sản ngoài gỗ như các loại cây thuốc nam, động vật hoang ...

-Tài nguyên thủy sản

Tuy là một xã miền núi không có thế mạnh về thủy sản nhưng ở khu vực Nghĩa Thuận lại có thể tìm thấy những loài thủy sản quý, hiếm, có giá trị đặc biệt. Trên lưu vực sông Gâm có thể tìm thấy các loại tôm, cá, cua chỉ có ở khu vực nguồn sông có nhiều ghềnh đá. Đặc biệt ở đây có loại cá Dầm Xanh, cá Anh Vũ ngon nổi tiếng, đã từng là những loại đặc sản cung tiến cung đình.

2.2. Điều kiện kinh tế xã hội của xã Nghĩa Thuận

2.2.1. Tình hình dân số và lao động

Dân số khá đông nên nguồn lực lao động cũng dồi dào, nhưng lao động của xã chủ yếu là lao động nông nghiệp, công nghiệp dịch vụ là rất ít. Dân số và lao động là yếu tố có quan hệ mật thiết với sự phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

Cùng với đất đai, lao động là yếu tố đặc biệt quan trọng trong mọi quá trình sản xuất của các ngành nghề, điều này càng thể hiện rõ trong sản xuất nông nghiệp nhất. Chính vì vậy để những biện pháp tổ chức, sử dụng hợp lý nguồn lao động sao cho phù hợp và đạt hiệu quả cao thì việc xem xét và đánh giá tình hình dân số và lao động là rất quan trọng. Tình hình dân số và lao động được thể hiện ở bảng 2.1.

Từ bảng 2.1 tổng hợp hiện trạng dân số và lao động tại xã Nghĩa Thuận ta thấy được dân số và lao động toàn xã năm 2020 cụ thể như sau: Số lao động có 1.653 người chiếm 46,95% với tổng số nhân khẩu là 3.521 người. Trong đó số lao động nông nghiệp chiếm 95% trong tổng số lao động, do đặc thù số người dân chủ yếu làm nông nghiệp nên tỷ lệ lao động nông nghiệp chiếm cao. Dân số sống chủ yếu ở dãy núi cao, trình độ dân trí còn thấp, kinh nghiệm sản xuất còn hạn chế lao động chủ yếu là trồng trọt các loại lương thực như lúa nương, ngô, sắn tuy nhiên do địa hình phức tạp và quy mô là hộ gia đình nên sản xuất ít một số hộ gần như bỏ không lao động nông nghiệp nữa mà lao động chính của họ là đi làm thuê. Lao động chủ yếu của xã thường quen với lao động đất nông nghiệp, còn hạn chế trong việc thay đổi cái mới mọi người luôn hoạt động sản xuất như mọi năm chỉ trồng những loại lương

thực và cây trồng cũ. Lao động thiếu việc làm rất nhiều vì làm nông nghiệp chỉ làm trong mùa vụ, hết vụ mùa họ lại trở nên nhàn rỗi một số còn đi làm thuê còn lại hầu như không có việc làm chính gọi là đem lại thu nhập nên phát triển kinh tế tại đây còn yếu kém.

Bảng 2.1. Tình hình dân số và lao động xã Nghĩa Thuận năm 2020

Chỉ tiêu	Đơn vị	Số lượng
Số hộ	Hộ	731
Hộ nông nghiệp	Hộ	712
Số khẩu	Người	3.521
Khẩu nông nghiệp	Người	2.558
Tổng số lao động	Người	1.653
Số lao động nông nghiệp	Người	1.574
Chỉ tiêu phân tích	Người	
Số khẩu nông nghiệp/số khẩu toàn xã	Người	72,65
Số lao động nông nghiệp/số lao động	Người	95,22
Bình quân lao động/hộ	Người	2,26
Số lao động/số khẩu		46,95

Nguồn: UBND xã Nghĩa Thuận

Bình quân một hộ có từ 2-3 lao động, tuy nhiên người dân ở xã Nghĩa Thuận chủ yếu sản xuất nông nghiệp theo phong tục tập quán lạc hậu mang tính thụ động không đúng quy trình kỹ thuật, khoa học kỹ thuật áp dụng vào sản xuất là rất ít nên năng suất lao động thấp, thiếu hiểu biết lại gặp nhiều rủi ro. Trong đó, lao động qua đào tạo chiếm rất ít đa số là lao động chưa qua đào tạo, vì vậy có thể thấy được trình độ chuyên môn kỹ thuật còn nhiều hạn chế. Do vậy cần tập

trung tập huấn đào tạo lao động để nâng cao tay nghề và phục vụ cho việc phát triển kinh tế xã hội.

- Về Dân tộc

Cơ cấu dân tộc của xã Nghĩa Thuận được thể hiện trên bảng 2.2. Thông qua bảng về cơ cấu dân tộc ta nhận thấy tỷ lệ dân tộc Mông và Nùng là hai dân tộc có số lượng người đông nhất chiếm trên 50% là dân tộc Mông. Dân tộc Nùng chiếm 44,67%.

Bảng 2.2. Cơ cấu dân tộc xã Nghĩa Thuận năm 2020

STT	Tên Dân tộc	Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số khẩu	Tỷ lệ (%)
1	Mông	441	60,9	1.886	53,56
2	Nùng	267	37,1	1.573	44,67
3	Tày	2	0,27	8	0,22
4	Dao	1	0,13	6	0,17
5	Kinh	1	0,1	3	0,085
6	Hoa	11	1,5	45	1,27
Tổng cộng		731	100	3.521	100

Nguồn: UBND xã Nghĩa Thuận

2.2.2. Tình hình phát triển kinh tế xã hội ở xã Nghĩa Thuận

Qua bảng số liệu thống kê trong những năm gần đây cho thấy quá trình phát triển sản xuất có sự chuyển biến rõ rệt về năng suất, diện tích, sản lượng, sản phẩm hàng hoá chính bao gồm: Trồng trọt về lúa, ngô, sắn...và chăn nuôi trâu, bò, lợn, gà... sản phẩm không những đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt của nhân dân mà còn đem ra thị trường tiêu thụ với các vùng lân cận để trao đổi sản phẩm hàng hoá.

Mặt khác trong những năm gần đây được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước các chương trình khuyến nông, khuyến lâm đã được đưa vào áp dụng phổ biến tuyên truyền tới từng hộ gia đình trong toàn xã.

Đàn gia súc gia cầm của xã được nhân rộng và chăm sóc kịp thời đảm bảo cung cấp sức kéo cho sản xuất nông nghiệp cũng như cung cấp thực phẩm trực tiếp cho bà con và bán ra thị trường.

Mặc dù số lao động trong nông nghiệp chiếm tỷ trọng lớn, tuy nhiên giá trị sản xuất nông nghiệp mang lại chỉ chiếm khoảng 27% trong cơ cấu thu nhập bình quân. Nguồn thu nhập kinh tế chủ yếu từ trồng trọt các loại cây có giá trị kinh tế như keo, xoan và một số loại cây khác nhưng số lượng ít.

Nhìn chung chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp còn chậm và hạn chế, sản xuất manh mún, nhỏ lẻ, nguyên nhân là do tình trạng canh tác lạc hậu, chưa tập trung khai thác thế mạnh trong vùng, kinh nghiệm sản xuất yếu kém sản xuất nông nghiệp gặp nhiều khó khăn còn phụ thuộc vào thiên nhiên tình trạng thời tiết diễn ra phức tạp, dịch bệnh, người dân chưa có kinh nghiệm trong sản xuất cũng như phòng trồng dịch, sâu bệnh hại cây trồng dẫn đến năng suất không cao mặt khác giá trị đầu vào của sản xuất lại cao.

Bảng 2.3. Bảng thu nhập của xã Nghĩa Thuận năm 2020

STT	Nguồn thu	Tổng thu (triệu đồng)	Tỷ lệ % so sánh với tổng (%)	Thu nhập bình quân đầu người (VNĐ)
1	Sản xuất nông nghiệp	15.265,9	27,45	
2	Sản xuất lâm nghiệp	2.765,0	4,97	
3	Chăn nuôi gia súc, gia cầm	9.511,8	17,12	
4	Dịch vụ	5.500,5	9,90	
5	Thu nhập khác	22.500,0	40,56	
	Cộng	55.543,2	100	20.000.000

(Nguồn: UBND xã Nghĩa Thuận năm 2020)

2.2.2. Tình hình sử dụng đất đai

Xã có tổng diện tích đất tự nhiên là 3.986,54 ha. Là một xã vùng núi cao, đất đai ở xã Nghĩa Thuận chủ yếu là đồi núi, vì vậy hiệu quả sử dụng chưa cao. Hiện trạng sử dụng đất ở xã Nghĩa Thuận được thể hiện ở bảng 2.4.

Qua bảng 2.4 cho ta thấy tổng diện tích đất tự nhiên là 3.986,54ha. Trong đó, đất nông nghiệp có diện tích cao nhất với 3.153,10 ha chiếm 79% tổng diện tích đất tự nhiên.

Đất sản xuất nông nghiệp có diện tích là 1.058,95ha chiếm 26,56% tổng diện tích đất tự nhiên. Trong đó, có cây trồng hàng năm và cây trồng lâu năm.

Đất lâm nghiệp có diện tích là 2.094 ha chiếm 50,5 % tổng diện tích đất tự nhiên. Trong đó, đất rừng phòng hộ là 1.657,90 ha chiếm 41,58 %. Như vậy, trong đất lâm nghiệp có đất rừng phòng hộ chiếm diện tích cao nhất.

Đất phi nông nghiệp có diện tích là 155,09 ha chiếm 4,6% tổng diện tích đất tự nhiên. Trong đó, đất ở có diện tích là 42,37 ha chiếm 1,2%.

Hiện nay chính quyền trong xã đang chỉ đạo, hướng dẫn bà con nông dân tiếp tục rà soát, chuyển đổi đất nghèo lâm sản sang trồng rừng kinh tế.

Đất nghĩa trang, nghĩa địa, đất sông suối và mặt nước chuyên dùng và đất phi nông nghiệp khác cũng chiếm một phần diện tích tuy nhiên các loại đất trên chiếm tỷ lệ không cao.

Đất chưa sử dụng của xã có diện tích là 678,35ha chiếm 17 % tổng diện tích đất tự nhiên. Trong đó, đất đồi núi chưa sử dụng có diện tích là chủ yếu

Bảng 2.4. Hiện trạng sử dụng đất của xã Nghĩa Thuận năm 2020

Mục đích sử dụng đất		Mã	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN			3.986,54	100
1	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	NNP	3.153,10	79,1
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	1.058,95	26,56
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	1024,04	32,4
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	34,91	1,107
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP	2.094	50,5
1.2.1	Đất rừng sản xuất	RSX	64,20	1,6
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	RPH	1.657,90	41,58
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	RDD	371,70	11,7
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	0,35	0,008
1.4	Đất nông nghiệp khác	NKH	0	0
2	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	PNN	155,09	3,9
2.1	Đất ở	OTC	42,37	1,2
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	84,36	2,1
2.3	Đất nghĩa trang nghĩa địa	NTD	1,97	0,1
2.4	Đất sông suối và mặt nước chuyên dùng	SMN	26,39	1,2
3	ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG	CSD	678,35	17

(Nguồn: Địa chính xã Nghĩa Thuận năm 2020)

Qua bảng trên cho thấy, đất nông nghiệp chiếm 79% diện tích khá lớn nên đây là điều kiện cho sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên vẫn còn nhiều hạn chế như sử dụng đất chưa hợp lý, đất đai ngày càng xấu đi là do đất đồi núi nên bị rửa trôi, xói mòn làm ảnh hưởng lớn đến quá trình canh tác. Chính quyền, địa phương trong xã cần có chính sách để đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng với mục đích hợp lý hơn để người dân có thể mở rộng diện tích gieo trồng nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế cho người nông dân.

2.2.3. Cơ sở vật chất kỹ thuật

Hệ thống đường giao thông

Giao thông cũng là một vấn đề rất quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế do giao thông đi lại không thuận tiện dẫn đến ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất cũng như xuất khẩu là vấn đề khó khăn cần được giải quyết. Trục đường liên xã đã được làm cấp phối qua nhiều năm nay đã xuống cấp nhưng mới đến trụ sở UBND xã, mà bà con thì phần lớn lại ở cao và xa trong các thung lũng ngay cả việc đi lại đã phần nào khó khăn đặc biệt là mùa mưa do đường đi lại chủ yếu là đường đất, hoặc đã qua nhiều năm hư hỏng nặng, địa hình hiểm trở rất khó khăn trong việc đi lại và sản xuất. Đường liên thôn, đường liên thông giữa các xóm với nhau đã hư hỏng, một số vùng còn là đường đất hoặc đang tiến hành làm mới nhưng gián đoạn khiến việc đi lại càng khó khăn hơn, việc huy động vốn của người dân làm đường còn khó khăn vì đời sống nhân dân ở đây còn thấp, tỷ lệ hộ nghèo còn cao.

Hệ thống điện

Là một xã khu vực biên giới nên được nhà nước rất là quan tâm ủng hộ kéo đường dây điện qua tất cả 9 thôn đều có đường điện. Sự cung ứng điện tương đối tốt, 99% số hộ trong xã được dùng điện, nguồn điện tương đối ổn định giúp các hộ trong xã yên tâm sản xuất, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân nắm bắt được thông tin văn hóa xã hội, thông tin về thông qua các phương tiện nghe nhìn.

Hệ thống y tế, văn hóa, kế hoạch hóa gia đình

Xã Nghĩa Thuận có 01 trạm y tế và có 2 bác sĩ 6 y tá cơ sở vật chất còn yếu kém vẫn còn hạn chế về y tế khám chữa bệnh nhưng bên cạnh đó cũng đảm bảo tốt một số công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, trẻ em và mẹ có bầu luôn được quan tâm và chăm sóc được tiêm chủng theo định kỳ. Công tác dân số kế hoạch hóa gia đình cũng được quan tâm đúng mức, tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên giảm trong những năm gần đây. Xã có hệ thống đài truyền thanh kịp thời phổ biến nhiệm vụ kinh tế - xã hội, tuyên truyền các chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước cho nhân dân. Bên cạnh đó còn làm tốt việc tuyên truyền nội dung thông báo mùa vụ, dịch hại, sâu bệnh, công tác XĐGN, giáo dục nếp sống văn hoá mới cho nhân dân.

Công tác tuyên truyền về DS-KHHGD được triển khai đồng bộ, tổ chức tuyên truyền các văn bản hướng dẫn thực hiện và pháp lệnh dân số, công tác chăm sóc SKSS-KHHGD, kiến thức về gia đình, bình đẳng giới năm 2020 tổng số 300 người, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1,2% ; tỷ suất sinh thô 12% trên địa bàn đã có 12 trường hợp sinh con thứ 3 trở lên.

Công tác giáo dục

Chất lượng giáo dục toàn diện được giữ vững, các chỉ tiêu phấn đấu cơ bản đạt và vượt, duy trì và giữ vững kết quả phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục tiểu học trẻ mầm non 5 tuổi, tỷ lệ huy động trẻ trên địa bàn: Dưới 2 tuổi đạt tỷ lệ 52,2%; từ 3-5 tuổi đạt 100%, tỷ lệ huy động trẻ 6-14 tuổi đến trường đạt 100%; bậc THCS đạt 99,96%, số giáo viên đạt chuẩn mầm non là 99,2%; bậc TH 100%; bậc THCS 99,5%. Số học sinh hoàn thành chương trình Tiểu Học 98,86%, tốt nghiệp THCS 99,68%; tốt nghiệp THPT trên 98%. Đạt chuẩn mực Quốc Gia về phổ cập giáo dục Tiểu Học và phổ cập giáo dục THCS. Các bản, tiểu khu trường học trên địa bàn xã đều đã thành lập Chi Hội Khuyến Học. Trong năm Hội Khuyến Học đã tổ chức tặng quà cho học sinh giỏi, học sinh vượt khó trong học tập, học sinh nghèo. Công tác khám chữa bệnh được duy trì thường xuyên. Các biện pháp phòng chống

dịch bệnh được triển khai đồng bộ, có hiệu quả, triển khai đầy đủ các chương trình y tế Quốc Gia.

Trong những năm qua sự nghiệp giáo dục của xã cũng được quan tâm nhiều hơn cơ sở vật chất của các trường được nâng cấp và đầy đủ hơn một số trường học, lớp học được sửa chữa và nâng cấp, còn một số lớp học trường học được Nhà nước hỗ trợ kinh phí để xây mới. Xã có 9 điểm trường mầm non, có 6 điểm trường tiểu học và 1 trường THCS đóng trên địa bàn. Hàng năm huy động được 100% học sinh đúng độ tuổi. Tuy nhiên, kết cấu hạ tầng phục vụ cho giảng dạy còn thiếu, khuyến khích vật chất cho giáo viên chưa thỏa đáng.

Hệ thống thủy lợi

Những năm gần đây hệ thống thủy lợi rất được quan tâm được hỗ trợ kinh phí để sửa chữa và nâng cấp các hệ thống nước sinh hoạt cho các xóm có nước sạch phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt , năm 2018 bảo dưỡng nước sinh hoạt cho thôn Na Linh và thôn Xín Cái với quy mô 1400m với số kinh phí là 102,307 triệu đồng, làm mới nước sinh hoạt cho thôn Pả Láng với quy mô 820 m với tổng kinh phí là 655,344 triệu đồng. Năm 2019 duy tu bảo dưỡng nước sinh hoạt thôn Na Cho Cai 46,854trđ , làm mới nước sinh hoạt thôn Ma Sào Phố với quy mô 3500m nguồn kinh phí hỗ trợ từ chương trình 135 với số vốn là 123 triệu đồng, làm mới hệ thống nước sinh hoạt thôn Phìn Chư quy mô 4800m với kinh phí 500 triệu đồng từ nguồn chương trình nông thôn mới.

Nhìn chung cơ sở hạ tầng của xã bước đầu đã được đầu tư nhưng còn nhiều hạn chế. Cần có chiến lược đầu tư cụ thể và lâu dài về cơ sở hạ tầng đặc biệt là giao thông, thủy lợi, đó là một trong những điều kiện thúc đẩy nền kinh tế hộ nói chung và kinh tế nông hộ của các hộ nghèo nói riêng của xã phát triển đi lên.

2.3. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội của xã Nghĩa Thuận

Thuận lợi

Xã Nghĩa Thuận là một xã có nhiều thuận lợi về đất đai khí hậu, vị trí địa lý, nhân dân các dân tộc đoàn kết, cần cù sáng tạo trong lao động trong thời gian qua xã Nghĩa Thuận luôn luôn được sự quan tâm của tỉnh và UBND-HĐND huyện Quản Bạ. Thuận lợi về giao thông, là đầu mối giao thông quan trọng của huyện và các xã liên huyện, rất thuận lợi cho trao đổi, giao lưu, mua bán hàng hóa...

Đảng và Nhà nước có nhiều chủ trương chính sách ưu tiên đầu tư cho các tỉnh miền núi, nhất là vùng sâu, vùng xa đặc biệt khó khăn, chương trình đầu tư phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, đã và đang thực hiện trên địa bàn xã, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của xã.

Mặc dù là xã vùng 135, cách xa trung tâm huyện Quản Bạ, tuy nhiên xã Nghĩa Thuận cũng có khá nhiều tiềm năng có thể đầu tư phát triển kinh tế và văn hóa - xã hội mà vẫn chưa được khai thác.

Với địa bàn có diện tích tự nhiên 3.986,54 ha xã Nghĩa Thuận có thể tận dụng tối đa lợi thế về đất đai phục vụ cho sản xuất nông, lâm nghiệp, đặc biệt phát triển hệ thống các trang trại chăn nuôi lợn và đại gia súc. Điều kiện về khí hậu địa hình có những ảnh hưởng đến việc hình thành các vùng sản xuất đặc trưng, đặc biệt với kiểu thời tiết nhiệt đới ẩm gió mùa thuận lợi cho phát triển cây ăn quả nhiệt đới và một số loại cây lâm nghiệp có giá trị kinh tế.

Dân số của xã cũng là một thế mạnh khi mà hơn một nửa dân số trong độ tuổi lao động, qua đó ta thấy rằng với nguồn lao động dồi dào như vậy nếu biết khai thác và sử dụng nguồn lực này một cách tối ưu và hiệu quả nhất thì sẽ góp phần phát triển nền kinh tế của xã hơn nữa. Sự tập trung đa dạng của các dân tộc nơi đây cùng với những nét văn hoá đặc trưng cũng có thể đem lại nguồn lợi từ du lịch cộng đồng nhằm nâng cao đời sống văn hoá của cộng đồng các dân tộc anh em trên địa bàn xã.

Nguồn tài nguyên rừng trên địa bàn của xã cũng rất phong phú và đa dạng kể cả lâm sản gỗ và lâm sản ngoài gỗ, thuận tiện cho việc phát triển các hoạt động khai thác và chế biến lâm sản.

Khó khăn

Cách xa khu trung tâm huyện và thành phố thành phố Hà Giang. Trình độ dân trí của người dân còn thấp, chưa có ý thức phát triển kinh tế. Địa bàn rộng, các xóm cách xa trung tâm xã. Cơ sở hạ tầng thấp kém, hệ thống đường giao thông trong xã còn kém, người dân gặp nhiều khó khăn trong việc đi lại, vận chuyển hàng hóa. Việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi và áp dụng khoa học kỹ thuật và sản xuất còn hạn chế.

Hình thức sản xuất còn nhỏ lẻ, manh mún. Thiếu sự liên kết hợp tác giữa bản thân các hộ để có thể phát triển vùng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, đồng đều theo định hướng thị trường. Thiếu nguồn nước phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt, chủ yếu dựa vào nguồn nước mưa.

Thời tiết diễn biến phức tạp, từ đầu năm mưa nắng thất thường nên ảnh hưởng đến sản xuất, nông, lâm nghiệp và chăn nuôi, đặc biệt là trong sản xuất nông, lâm nghiệp, kết cấu hạ tầng, giao thông, về giá cả thị trường diễn biến phức tạp, việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế cây trồng vật nuôi và áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn nhiều hạn chế.

Hiện nay môi trường của xã Nghĩa Thuận đã và đang bị xâm hại, diện tích rừng bị suy giảm, hiện tượng sạt lở đất đai thường xảy ra vào mùa mưa, gây thiệt hại lớn đến sản xuất và cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã thường xuyên chịu ảnh hưởng của hiện tượng gió bão, mưa đá, sương muối... còn có nhiều gia đình có điều kiện khó khăn, hộ nghèo vẫn phổ biến ở các xóm vùng cao và còn tồn tại rất nhiều hộ khó khăn nên việc để phát triển kinh tế - xã hội là rất chậm nên xã đang gặp rất nhiều khó khăn. Hệ thống suối của xã Nghĩa Thuận có đặc điểm đều bắt nguồn từ các đỉnh núi cao, có độ dốc lớn, do vậy về mùa mưa thường dễ gây lũ đột ngột.

Với địa hình bị chia cắt phức tạp, bị ngăn cách bởi hệ thống các khe suối nhỏ khiến cho giao thông đi lại khó khăn đây là một trở ngại cho việc sản xuất phát triển, đặc biệt sản xuất hàng hoá.

Về dân cư với phần lớn người dân chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp. Trình độ dân số thấp nhiều thủ tục chưa được xoá bỏ cũng dễ dẫn đến những khó khăn trong việc tuyên truyền nâng cao năng lực sản xuất để phát triển kinh tế và thực hiện xoá đói giảm nghèo ở địa phương.



CHƯƠNG 3

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO TẠI XÃ NGHĨA THUẬN, HUYỆN QUẢN BẠ, TỈNH HÀ GIANG

3.1 Thực trạng nghèo tại xã Nghĩa Thuận

3.1.1 Tình hình hộ nghèo trên địa bàn xã Nghĩa Thuận

Những năm qua chính quyền các cấp, đặc biệt chính quyền xã đã có những cố gắng nhất định trong công tác giảm nghèo. Tuy nhiên tình trạng nghèo của toàn xã vẫn còn gặp nhiều khó khăn thu nhập chính của các nông hộ yếu là trồng trọt và chăn nuôi. Tình hình hộ nghèo trên địa bàn xã giai đoạn 2018 -2020 được thể hiện qua bảng 3.1:

Bảng 3.1: Tình hình hộ nghèo trên địa bàn xã, giai đoạn 2018- 2020

Loại hộ	Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Øbq
	SL (hộ)	Tỷ lệ (%)	SL (hộ)	Tỷ lệ (%)	SL (hộ)	Tỷ lệ (%)	
Tổng số hộ	712	100	723	100	731	100	101,33
Hộ nghèo	470	66,01	459	63,49	399	54,58	92,14
Hộ cận nghèo	125	17,56	114	15,77	160	21,98	113,14

(Nguồn: UBND xã Nghĩa Thuận)

Qua bảng 3.1.Ta thấy tổng số hộ nghèo của xã có xu hướng giảm. Bình quân trong 3 năm số hộ nghèo giảm 7,84%. Tuy nhiên số hộ cận nghèo bình quân trong 3 năm lại tăng trong đó năm 2020 tăng mạnh nhất. Như vậy qua số liệu về hộ nghèo và cận nghèo qua 3 năm ta thấy mặc dù số hộ nghèo có xu hướng giảm nhưng tỷ lệ hộ nghèo trong xã vẫn còn cao. Do vậy, xã cần có những giải pháp để giảm hộ nghèo, nâng cao đời sống, thu nhập của người dân trên địa bàn xã trong thời gian tới.

3.1.2 Thực trạng phân bố hộ nghèo trên địa bàn xã Nghĩa Thuận

Tình hình số hộ nghèo trên địa bàn xã phân bố không đều. Tình hình phân bố số hộ nghèo của các xóm trong xã được thể hiện trên bảng 3.2.

Bảng 3.2. Số hộ nghèo các thôn trên địa bàn xã Nghĩa Thuận năm 2020

Tên thôn	Tổng hộ	Số hộ nghèo	Tỉ lệ (%)	Tổng hộ	Số hộ nghèo	Tỉ lệ (%)	Tổng hộ	Số hộ nghèo	Tỉ lệ (%)
Xín Cái	107	72	67,29	111	72	64,86	113	71	62,83
Phín Ứng	113	60	53,10	115	60	52,17	115	50	43,48
Khủng Cáng	73	63	86,30	74	62	83,78	76	59	77,63
Tả Súng Chư	62	58	93,55	62	57	91,94	63	53	84,13
Ma Sào Phố	52	50	96,15	51	48	94,12	53	45	84,91
Pả Láng	65	32	49,23	67	34	50,75	66	25	37,88
Na Cho Cai	98	56	57,14	99	53	53,54	100	42	42,00
Na Linh	65	37	56,92	66	34	51,52	66	21	31,82
Cốc Pục	77	42	54,55	78	39	50,00	79	33	41,77
Tổng	712	470	66,01	723	459	63,49	731	399	54,58

(Nguồn: Tổng hợp kết quả giảm nghèo xã Nghĩa Thuận)

Qua bảng 3.2. Ta thấy rằng có rất nhiều thôn có tỷ lệ hộ nghèo bình quân có xu hướng giảm tuy nhiên vẫn còn khá cao. Năm 2018 tỷ lệ hộ nghèo bình quân của xã là 66% giảm xuống còn 63,49% năm 2019 đến năm 2020 tỷ lệ hộ nghèo là 54,48%. Mặc dù tỷ lệ hộ nghèo đã giảm tuy nhiên vẫn còn khá cao. Một số thôn thì có tỷ lệ hộ nghèo chiếm từ 70-80% như thôn Ma Sào Phố tỷ lệ hộ nghèo năm 2020 là 84,9%, thôn Tạ Súng Chư tỷ lệ hộ nghèo là 84,13%, thôn có tỷ lệ hộ nghèo thấp nhất là Na Linh chiếm 31%. Như vậy mặc dù tỷ lệ hộ nghèo đã giảm nhưng còn rất chậm bởi thực tế qua khảo sát thấy rằng hầu hết các thôn có tỷ lệ hộ nghèo cao đều là các thôn ở vùng cao

vùng đồi núi sản xuất chủ yếu là nông nghiệp nên việc thoát nghèo là vấn đề nan giải, còn các hộ có nền kinh tế khá giả hơn hầu như là các xóm có hộ dân ở ven hồ sông đã hoạt động sản xuất chính là đánh bắt và nuôi cá, gia súc sẽ có thu nhập cao hơn và ổn định hơn bà con vùng núi chính vì thế các hộ dân vùng cao chiếm đa số số hộ nghèo của toàn xã.

3.2. Thực trạng triển khai các chương trình giảm nghèo tại xã Nghĩa Thuận giai đoạn 2018-2020

3.2.1. Các chương trình giảm nghèo ở xã Nghĩa Thuận

Hiện nay trên địa bàn xã đang thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020, vì vậy thu nhập bình quân đầu người được cải thiện. Tỷ lệ hộ nghèo bình quân hàng năm giảm. Để thực hiện tốt có hiệu quả giảm nghèo không thể thiếu việc hỗ trợ của Nhà nước và các đoàn thể và sự chung sức của người dân, kinh phí phục vụ giảm nghèo tại xã Nghĩa Thuận năm 2018-2020 bao gồm các kinh phí của Nhà nước, ngân sách địa phương, quỹ vì người nghèo,... Giảm nghèo là mục tiêu hàng đầu của đất nước là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân. Từ thực tế đó, Đảng và Nhà nước ta đã luôn quan tâm và hỗ trợ cho người dân để họ có thể thoát nghèo, các cấp Ủy Đảng chính quyền xã Tân Thành đã thực hiện các chỉ thị các chương trình từ Đảng và Nhà nước hỗ trợ cho người dân giảm nghèo tại xã.

Các vấn đề cơ bản, bức thiết nhất đối với hộ nghèo, cận nghèo, dân tộc thiểu số như nhà ở, đất ở, đất sản xuất, y tế, giáo dục,... phần nào được giải quyết kịp thời, đáp ứng được yêu cầu của nhân dân, góp phần ổn định cuộc sống, nâng cao thu nhập, đảm bảo an sinh xã hội.

Thực hiện chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020, trên địa bàn xã đã thực hiện việc hỗ trợ nhiều mặt khác nhau. Khoảng 350 hộ nghèo được cấp thẻ BHYT; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020. Một số xóm giao thông đi lại đặc biệt khó khăn, thường xuyên chịu ảnh hưởng thiên tai, mất mùa. các công trình

được hỗ trợ đầu tư xây dựng để hỗ trợ phát triển sản xuất, truyền thông, nâng cao năng lực và giám sát thực hiện. Vì vậy, chương trình này hướng tới các mục tiêu phát triển sản xuất, nâng cao mức sống cho các hộ dân tộc thiểu số, phát triển cơ sở hạ tầng, phát triển các công cụ ở địa phương thiết yếu như điện, đường, trạm y tế, nước sạch, và nâng cao đời sống văn hóa.

+ *Ưu đãi tín dụng cho người nghèo*: Trên thực tế việc cung cấp tín dụng ưu đãi cho các hộ nghèo và cận nghèo có nhu cầu vay vốn sản xuất kinh doanh với lãi suất thấp, không phải thế chấp cho ngân hàng.

+ *Hỗ trợ người nghèo về y tế*: Hiện nay xã đã trợ giúp người nghèo trong khám chữa bệnh bằng các hình thức, cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí và cấp một số loại thuốc miễn phí.

+ *Hỗ trợ người nghèo về giáo dục*: Tỷ lệ hộ nghèo bình quân trên địa bàn xã Nghĩa Thuận còn tương đối cao trên 50% do đó việc miễn giảm học phí và các khoản đóng góp xây dựng trường, lớp, hỗ trợ vở viết, sách giáo khoa, cấp gạo và tiền sinh hoạt cho con em đi học bán trú được cấp vào cuối kỳ học mỗi em học sinh 500 nghìn đồng và 50 kg gạo, khuyến khích học sinh nghèo học khá, học giỏi bằng các giải thưởng và các chế độ ưu đãi khác, tăng cường cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng giáo dục ở các trường dân tộc bán trú để đào tạo các cán bộ cho các xã đặc biệt khó khăn.

+ *Hỗ trợ về sản xuất trong nông nghiệp*: Trong nông nghiệp bao gồm trồng trọt và chăn nuôi người dân được chọn và đưa giống vật nuôi mới có năng suất cao cho người dân, hỗ trợ về giống và phân bón cho các hộ nghèo trong xã. Hướng dẫn kỹ thuật, khuyến khích mở rộng diện tích canh tác. Tăng cường và khuyến khích phát triển đàn gia súc, gia cầm, hỗ trợ con giống và các loại thuốc tiêm phòng dịch theo từng tru kỳ.

+ *Hỗ trợ tu sửa, xây mới hệ thống nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn*. Vào dịp tết nguyên đán các hộ nghèo được hỗ trợ tiền ăn tết mỗi gia đình 400 nghìn đồng, hỗ trợ tiền điện sinh hoạt tùy vào từng hộ gia đình ngoài gia còn được hỗ trợ tiền bảo vệ rừng từ quỹ tri

trả bảo vệ môi trường rừng. Chính quyền trung ương trợ cấp 100% kinh phí xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung mọi kinh phí được dót theo từng dự án và tùy vào mỗi năm. Chính quyền trung ương sẽ trợ cấp kinh phí để tu sửa và bảo dưỡng nước sinh hoạt cho từng địa phương, kinh phí để tu sửa xây mới nhà văn hóa và xây dựng nhà bán trú cho con em đi học sửa trưa trường học cung cấp thêm thiết bị xây mới lại một số lớp học đã quá cũ kỹ không đảm bảo chất lượng phục vụ cho học tập.

3.2.2. Đánh giá các chính sách chương trình giảm nghèo ở xã Nghĩa Thuận

3.2.2.1. Chính sách hỗ trợ giống, vật tư sản xuất, cơ sở hạ tầng

a, Kết quả

- Hỗ trợ về giống (Lợn, bò, Ngô, hồng không hạt)**

Sau khi thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 các chính sách hỗ trợ về giống, vật tư sản xuất đã tạo điều kiện giúp đỡ cho các hộ rất nhiều về nguồn lực sản xuất. Trong lĩnh vực nông nghiệp các hoạt động của chính sách này thu được các kết quả trên bảng 3.3. Tùy vào nhu cầu của bà con mà hàng năm xã sẽ có những hỗ trợ cho phù hợp với tình hình hiện tại.

Bảng 3.3: Kinh phí hỗ trợ giống cho sản xuất

DVT: Triệu đồng

Nội dung	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
	Giá trị	Giá trị	Giá trị
Hỗ trợ giống ngô	190,23	223,67	240
Hỗ trợ lợn, bò giống	192,12	233	249
Hỗ trợ giống hồng không hạt	197,45	245	255

Nguồn: UBND xã Nghĩa Thuận

Thông qua số liệu trên bảng 3.3 ta thấy năm 2018: Nhà nước hỗ trợ giống ngô với số kinh phí 190,23 triệu đồng, hỗ trợ lợn, bò giống với kinh phí 192,12 triệu đồng và hỗ trợ nuôi bò, hỗ trợ giống hồng không hạt là 197,45 triệu đồng

các nguồn kinh phí này đều được cấp từ nguồn ngân sách Trung ương.

Đến năm 2019: hỗ trợ giống ngô từ nguồn ngân sách trung ương với giá trị là 223,67 triệu đồng, hỗ trợ lợn, bò giống 233 triệu đồng cho bà con khu vực đồi núi cao, hỗ trợ lợn giống hồng không hạt cho bà con khu vực đồng bằng với tổng kinh phí là 245 triệu đồng.

Năm 2018 đến năm 2020 số khối lượng giống hỗ trợ đã tăng lên, nhờ được hỗ trợ giống ngô, hồng không hạt và hỗ trợ lợn, bò giống phần nào giúp cho người dân phát triển kinh tế, nâng cao được chất lượng cuộc sống cho người dân. Nhờ sự hỗ trợ của Nhà nước mà người dân được hỗ trợ một phần nào đó về chi phí mua giống.

- **Hỗ trợ cơ sở hạ tầng**

Là xã vùng cao khó khăn vì vậy cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã luôn được quan tâm. Các vấn đề được ưu tiên đầu tư đó là nguồn nước sinh hoạt, xây dựng trường học cho con em trong thôn, làm nhà văn hóa cũng như tu sửa lại chợ. Đầu tư bảo dưỡng nước sinh hoạt thôn Cốc Pục, Na Lình nâng cấp với tổng vốn 134,265 triệu đồng, xây dựng trường mầm non với tổng vốn 804 triệu đồng.

Bảng 3.4 Hỗ trợ cơ sở hạ tầng

DVT: Triệu đồng

Nội dung	2018	2019	2020
1. Bảo dưỡng làm mới nước sinh hoạt	134,265	348	450
2. Tu sửa bảo dưỡng, xây mới trường học	804	211	332
3. Tu sửa làm mới nhà văn hóa	613		
4. Tu sửa chợ trung tâm xã			240,450
5. Sửa chữa nâng cấp TTHTCĐ	311		
6. Làm đường mới		769,827	725

Nguồn: UBND Xã Nghĩa Thuận

Năm 2019: Làm mới đường thôn Na Cho Cai với kinh phí 769,82 triệu

đồng, tu sửa trường bán trú THCS 211 triệu đồng.

Năm 2020: tu sửa chợ chung tâm hết 240 triệu đồng. Như vậy, qua phân tích ta nhận thấy sự thay đổi của các xóm trong xã đã được cải thiện qua từng năm. Hệ thống nước sạch, nhà văn hóa, trường học được duy tu, bảo dưỡng, đường đi được làm mới nhờ đó đời sống người dân được thay đổi.

b, Đánh giá của người dân về chính sách

Qua bảng số liệu về kết quả thực hiện các chính sách giảm nghèo và tổng hợp từ phiếu điều tra ta nhận thấy về cơ bản các hộ đánh giá chính sách mang lại hiệu quả, nhưng một số hộ đánh giá hiệu quả chưa cao và còn hạn chế vì có nhiều chính sách chưa phù hợp với thực tế nó không có sự tác động lớn tới hoạt động sản xuất, nhưng đa số đánh giá cao cũng có một số hộ thoát nghèo do các hộ nghèo trong xóm này được hưởng rất nhiều hỗ trợ từ chính sách mang lại, như các chính sách vay vốn cho người nghèo, hỗ trợ về con giống, về điều kiện sản xuất. Nhờ có sự hỗ trợ đó mà diện tích lúa, ngô gieo trồng tăng qua các năm và vượt mức kế hoạch đề ra, số lượng lợn nuôi trên xã cũng gia tăng đáng kể đem lại thu nhập cải thiện đời sống cho bà con, đã góp phần tăng thu nhập bình quân hộ trong xã và chuyển đổi cơ cấu kinh tế các ngành. Vì thế người dân có điều kiện tốt để an tâm sản xuất. Chương trình hỗ trợ vốn sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi giúp cho những hộ nghèo và cận nghèo trên địa bàn xã có nguồn lực để sản xuất.

Chương trình được bà con trong xã đánh giá cao về hiệu quả đem lại và rất tích cực hưởng ứng. Có 61% số hộ đánh giá tốt về các chính sách 27% số hộ đánh giá hiệu quả của chính sách ở mức trung bình và 12% đánh giá không hiệu quả. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện còn tồn tại nhiều hạn chế như rủi ro sản xuất do đó nhiều hộ không thu được kết quả như mong đợi.

3.2.2.2. Chính sách vay vốn tín dụng, ưu đãi cho người nghèo

a, Kết quả

Kết quả thực hiện chính sách vay vốn tín dụng, ưu đãi cho người nghèo, người nghèo tham gia mọi hoạt động cũng như tiếp cận với các nguồn

vốn hỗ trợ từ các chương trình giảm nghèo Nhà nước và các quỹ hội tại địa phương, xã đã tạo mọi điều kiện giúp cho các hộ nghèo có vốn để mở rộng sản xuất, chuyển đổi loại hình kinh doanh và có các nguồn lực để phát triển kinh tế của hộ, từ đó cải thiện thu nhập nâng cao chất lượng cuộc sống và thoát khỏi đối tượng là hộ nghèo.

Hình thức và mức vay vốn: Quyết định số 12/QĐ-HĐQT nâng mức cho vay đối với hộ nghèo từ 50 triệu đồng lên tối đa 100 triệu. Thời gian cho vay tối đa từ 60 tháng lên 120 tháng, mức cho vay này cũng áp dụng cho các đối tượng hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, cho vay phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số, miền núi. Mặc dù vậy nhưng với những hộ được tiếp cận vốn vay đã góp phần cải thiện đời sống bà con nông dân thuộc diện khó khăn có thêm vốn, để họ có điều kiện phục vụ cho sản xuất nâng cao thu nhập, giúp họ cải thiện cuộc sống và vươn lên thoát nghèo.

Tuy nhiên, tỷ lệ tiếp cận vốn vay của các hộ nghèo còn khá thấp nên cần có các chương trình chính sách của các cấp chính quyền, để tất cả các hộ nghèo có thể tiếp cận vốn phục vụ cho việc sản xuất nâng cao đời sống. Bên cạnh đó cần tăng số tiền vay vốn và thời gian cho vay dài hơn để họ có điều kiện cho vay và yên tâm sản xuất, cần khắc phục một số hạn chế trong quá trình vay vốn của người dân.

b, Đánh giá về chính sách tín dụng của người dân

Qua số liệu điều tra ta nhận thấy, về chính sách hỗ trợ vay vốn tín dụng, qua điều tra 90 hộ thu được kết quả đánh giá của các hộ về chính sách như sau:

+ Về thủ tục vay vốn: Qua tìm hiểu có 50 hộ cho rằng thủ tục vay vốn dễ chiếm 55,55%, có 25 hộ đánh giá thủ tục vay vốn ở mức bình thường chiếm 27%, số còn lại đánh giá thủ tục vay khó.

+ Về lượng vốn cho vay: Khi được hỏi về vấn đề này có 38 hộ cho rằng số vốn được vay quá ít, khi vay về không đủ để sản xuất dẫn đến tiêu hao mà đầu tư vào hoạt động sản xuất thì chỉ mang tính chất không thấy được hiệu quả thiết thực

+ Về lãi suất vay: Qua tìm hiểu có 8 hộ cho rằng lãi suất vay vốn thấp, 34 hộ cho rằng lãi suất vay ở mức bình thường.

Thông qua kết quả khảo sát người dân về chính sách tín ta có thể rút ra một điều, chính sách vay vốn tín dụng mang lại rất nhiều hiệu quả cho các hộ và được bà con rất tích cực hưởng ứng. Qua đó cần có sự thay đổi để chính sách mang lại những điều tốt nhất cho người dân và để người dân tiếp cận và tận dụng được tối đa vốn từ đó thoát nghèo. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện còn tồn tại một vài hạn chế như số tiền vay quá ít chưa đủ để các hộ chuyển đổi kinh doanh, thủ tục vay vẫn còn là trở ngại đối với các hộ, do trình độ học vấn thấp nên người dân ngại việc phải làm các thủ tục phức tạp nói cách đơn giản chữ ký của chính mình nhiều người cũng không viết được.

3.2.2.3. Chính sách hỗ trợ khác

a. Hỗ trợ về giáo dục

Bên cạnh các chính sách về hỗ trợ con giống, hỗ trợ tín dụng thì con em của các hộ thuộc nghèo, cận nghèo và dân tộc thiểu số còn được hỗ trợ về giáo dục. Kết quả hỗ trợ về giáo dục được thể hiện trên bảng 3.5

Bảng 3.5 Kết quả hỗ trợ học sinh trong xã

Chỉ tiêu	DVT	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1. Số học sinh được miễn giảm học phí	Học sinh	120	127	130
Tổng số tiền	Tr.đ	46,10	56,80	68,30
2. Hỗ trợ về sách vở + đồ dùng khác	Học sinh	140	145	155
Tổng số tiền	Tr.đ	12,50	15,40	17
3. Tổng số học sinh được hỗ trợ	Học sinh	260	272	285
4. Tổng số tiền hỗ trợ	Tr.đ	58,6	72,2	85,3

(Nguồn: Ban thống kê xã)

Mặc dù số học sinh và số tiền được hỗ trợ chưa nhiều song đây là nỗ lực của xã để giúp cho các con em trong hộ nghèo không đủ tiền tới trường có thể được đi học, đây là một điểm tích cực giúp nâng cao chất lượng lao động trong các hộ cũng như toàn xã. Ngoài những hộ trợ về sản xuất trong xã cũng đã phân nào đó có những hỗ trợ người nghèo về giáo dục và thu được một số

kết quả đáng khích lệ như sau: các em học sinh nằm trong diện nghèo, cần nghèo được miễn học phí và được cung cấp sách vở và đồ dùng học tập miễn phí tuy không đầy đủ nhưng đã phần nào giảm bớt kinh phí cho việc học giảm bớt gánh nặng cho gia đình ngoài ra còn hỗ trợ gạo và tiền ăn cho các em học sinh bán trú nhà ở xa phải ở lại.

b. Hỗ trợ y tế

Bên cạnh hỗ trợ về giáo dục, xã Nghĩa Thuận cũng đã có những chính sách hỗ trợ về y tế, chăm sóc sức khỏe cho người dân trong xã, như cấp thẻ bảo hiểm y tế 5 năm miễn phí, hỗ trợ tiêm phòng đúng chu kỳ, hỗ trợ tiêm phòng cho các em học sinh, tuy kinh phí hỗ trợ chưa được nhiều nhưng đây cũng là điều vô cùng tốt đối với các hộ, khi nhiều hộ đã có thể sử dụng thẻ BHYT để đi khám chữa bệnh, giảm bớt một số kinh phí cho bà con.

Thực hiện công tác khám, chữa và phòng bệnh cho người nghèo, hướng dẫn người nghèo tiếp cận với các dịch vụ y tế thuận lợi và chất lượng. Công tác y tế chăm sóc sức khỏe cho nhân dân trên địa bàn xã ngày càng được chú trọng, cán bộ y tế thường xuyên được nâng cao nghiệp vụ. Người dân được cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí

Công tác khám và chữa bệnh cho nhân dân ngày được tăng lên, thực hiện tiêm chủng cho các cháu dưới 5 tuổi và bà mẹ có thai đúng định kỳ.

c, Hỗ trợ về an sinh, đời sống

Hàng năm các hộ nghèo khi tết đến thường được tặng quà, tuy giá trị không cao nhưng nó cũng động viên tinh thần cho người dân. Những chính sách giảm nghèo xã Nghĩa Thuận thực hiện ở rất nhiều lĩnh vực từ sản xuất đến đời sống của các hộ, chính sách hỗ trợ an sinh, đời sống của người dân đã được triển khai thực hiện ở xã, khi các hộ đã được hỗ trợ về phương diện tinh thần, sinh hoạt cuộc sống hàng ngày, chính sách đã bước đầu thu được những kết quả tốt.

d, Hỗ trợ người nghèo về nước sạch và vệ sinh

Chương trình hỗ trợ nước sạch nông thôn, đã xây dựng bể nước và các ống dẫn nước từ những nguồn nước rất xa, Mỗi năm đều có các nguồn ngân sách hỗ trợ để tu sửa bảo dưỡng nguồn nước, làm mới công trình nước sinh hoạt cho một số xóm chưa có nguồn nước sạch để sinh hoạt hoặc đã qua nhiều năm hệ thống xuống cấp không đảm bảo đều được bảo dưỡng và xây mới năm 2020 số kinh phí để tu sửa và xây mới một số hệ thống nước sinh hoạt lên tới 450 triệu đồng, nguồn nước của người dân cũng ngày một áp ứng được nhu cầu sinh hoạt hàng ngày. Bên cạnh các chính sách hỗ trợ về y tế, giáo dục, xóa nhà tạm cho hộ nghèo thì các hỗ trợ về nước sạch và vệ sinh là chính sách có vai trò hết sức quan trọng nhằm cải thiện chất lượng cuộc sống chăm lo sức khỏe của cộng đồng trong đó có người nghèo. Để hỗ trợ những người nghèo ở xã do điều kiện khó khăn chưa xây được nhà vệ sinh. Trong năm 2019 xã đã khuyến khích và hỗ trợ một phần kinh phí cho các hộ dân xây nhà tiêu hợp vệ sinh, mục tiêu xây dựng nhà vệ sinh nhằm diệt trừ mầm bệnh không cho phát tán ra môi trường. Tiêu chuẩn của nhà tiêu hợp vệ sinh là cô lập được phân người, làm cho phân tươi hoặc phân chưa an toàn không tiếp xúc với người, động vật và côn trùng như ruồi, nhặng...đồng thời, tiêu diệt được các tác nhân gây bệnh như vi-rút, vi khuẩn gây bệnh, nhất là các bệnh lây truyền qua đường tiêu hóa, trứng giun, sán, không gây mùi khó chịu và làm ô nhiễm môi trường xung quanh. Việc hỗ trợ xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh cho người dân góp phần cải thiện các điều kiện vệ sinh cá nhân, giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Qua đó, giúp người dân nông thôn, nâng cao sức khỏe và chất lượng cuộc sống. Đối với các chính sách hỗ trợ về giáo dục, y tế và đời sống mặc dù kinh phí thực hiện không nhiều và kết quả hỗ trợ cũng chưa có nhiều tác động đến các hộ như các chính sách khác, song những chính sách này cũng phần nào đó góp phần giúp được các hộ nghèo có cuộc sống tốt hơn ổn định hơn trước.

Xây dựng nhà cho hộ nghèo trên địa bàn xã qua 3 năm được thể hiện trên bảng 3.6.

Trên địa bàn xã đã xây dựng một số ngôi nhà cho các hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Số lượng ngôi nhà năm 2018 được xây dựng là 3 ngôi nhà. Đến năm 2020 có 4 hộ gia đình được xét duyệt xây dựng với số tiền là 220 triệu đồng cho tổng số hộ được xây dựng.

Bảng 3.6: Xây dựng nhà cho hộ nghèo

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Số nhà xây dựng (hộ)	3	5	4
Tổng giá trị (triệu đồng)	150	250	220

Nguồn: (UBND xã Nghĩa Thuận)

3.3. Phân tích nguyên nhân nghèo của các hộ qua kết quả điều tra

3.3.1. Nhân khẩu và lao động

Sử dụng hợp lý nguồn lao động là điều kiện quan trọng để tăng khối lượng sản phẩm trong sản xuất, đáp ứng nhu cầu lao động cho các ngành nghề. Qua điều tra các hộ thu được kết quả bảng 3.7:

Bảng 3.7: Tình hình nhân khẩu và lao động các hộ điều tra

Nhóm hộ	Số hộ	Số nhân khẩu	BQ khẩu/hộ	LĐ	LĐ/hộ
Hộ nghèo	60	327	5-6	3	3-4/hộ
Cận nghèo	30	141	4-5	4	2-3/hộ

(Nguồn: Tổng hợp từ phiếu điều tra 2020)

Nhân khẩu và lao động là những nhân tố quan trọng có ảnh hưởng rất lớn đến mức thu nhập của hộ gia đình, đến đời sống, đến khả năng phát triển của hộ. Qua điều tra khảo sát thực tế nhân khẩu và lao động của nhóm hộ điều tra thể hiện qua bảng ta thấy các nhóm hộ chủ yếu gồm 5-6 người trong gia đình và một số hộ có 6 nhân khẩu trở lên. Tình hình nhân khẩu và lao động của các hộ điều tra có thể thấy tỷ lệ chênh lệch giữa 2 nhóm hộ là không quá lớn tuy nhiên có những hộ qua điều tra trong hộ có 5 người và người trong độ tuổi lao động là 4. Tuy nhiên có những hộ số người trong gia đình đều trong độ tuổi lao động nhưng các hộ đó vẫn nằm trong nhóm hộ nghèo của địa

phương thực tế cho thấy nguyên nhân dẫn đến nghèo đói ở đây là do lao động không qua đào tạo không có kinh nghiệm, sản xuất còn đơn giản nên thu nhập là rất thấp không đủ chi tiêu.

3.3.2 Tình hình sản xuất của hộ

3.3.2.1 Phân bố đất sản xuất của hộ

Với đặc thù đặc điểm địa bàn sinh sống và lịch sử canh tác nông nghiệp lâu đời người dân ở xã Nghĩa Thuận chủ yếu hoạt động sản xuất nông lâm nghiệp là chính vì vậy đất đai và lao động là hai yếu tố đầu vào chủ đạo và quan trọng đối với sản xuất của hộ gia đình, cụ thể loại hình sản xuất các hộ thể hiện qua bảng 3.8 sau:

Bảng 3.8: Tình hình đất sản xuất của các hộ điều tra

Đơn vị: ha

STT	Chỉ tiêu	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo
I	Tổng diện tích đất	3,19	3,22
1	Đất nông nghiệp	0,37	0,45
2	Đất lâm nghiệp	1,37	1,54
3	Ao, hồ, đầm	0,1	0,2
4	Đất thổ cư	0,5	0,7
5	Đất vườn	0,25	0,33

(Nguồn: Số liệu điều tra và xử lý số liệu, 2021)

Qua bảng 3.8 ta thấy về diện tích đất sản xuất giữa các nhóm hộ. Nghề chính của các hộ phần lớn là sản xuất nông lâm nghiệp, do vậy diện tích đất ao, hồ, đầm, đất thổ cư, đất vườn, của các hộ tương đối ít. Đất đai có ảnh hưởng rất lớn tới quá trình phát triển sản xuất của hộ nghèo bởi vì đất đai không thể tăng thêm về mặt diện tích được nhưng có thể tăng vụ theo khả năng sản xuất của hộ nông dân. Ngược lại yếu tố đất đai và lao động vừa là điều kiện, vừa là nguyên nhân dẫn đến nghèo của hộ nông dân. Phụ thuộc vào canh tác và kỹ thuật canh tác của hộ mà quyết định kết quả sản xuất cao hay thấp. Cụ thể, nhóm hộ nghèo có diện tích đất là 3,19ha trong đó đất lâm nghiệp chiếm diện tích lớn là 1,37ha. Nhóm hộ cận nghèo có tổng diện tích là 3,22ha trong đó đất lâm nghiệp chiếm nhiều nhất là 1,54ha, sau đó đến đất ở

là 0,7ha. Là một xã nằm trong vùng núi nên diện tích đồi núi tương đối lớn vì vậy diện tích đất lâm nghiệp chiếm nhiều nhất. Trung bình mỗi hộ nghèo hộ nghèo có 1,37 ha đất lâm nghiệp, hộ cận nghèo có 1,54 ha diện tích đất lâm nghiệp. Như vậy có sự chênh lệch về tư liệu sản xuất giữa các nhóm hộ, tuy nhiên tùy từng cách sản xuất và mục đích sử dụng đất mà quyết định thu nhập của từng hộ dân, có những hộ nghèo và cận nghèo có diện tích đất sản xuất gần bằng với diện tích của hộ không nghèo nhưng họ vẫn còn nằm trong hộ có thu nhập thấp và nghèo bởi cách sản xuất và sử dụng đất không hợp lý sản xuất không mang lại giá trị kinh tế, nhiều vùng bỏ hoang không khai thác để sản xuất.

3.3.2.2 Tình hình thu nhập của hộ điều tra

Nhìn chung qua tìm hiểu thu nhập của các hộ trong xã Nghĩa Thuận cũng không cao và thu nhập của các hộ so với các xã xung quanh vẫn còn khá thấp. Thu nhập của hộ là yếu tố ảnh hưởng đến đời sống của hộ gia đình. Khi thu nhập của hộ thấp thì họ phải đối mặt với những bất lợi về sản xuất, đời sống và cả các vấn đề về bất bình đẳng trong xã hội, họ luôn là những người phải chịu những sự thiệt thòi, khi thu nhập của hộ tốt thì chất lượng cuộc sống của họ trở nên tốt hơn.

Qua khảo sát 90 hộ dân thì có 46 hộ dân thấy rằng thu nhập của các hộ dân không tập trung vào chủ đạo vào một ngành lĩnh vực nào đó mà hoạt động sản xuất kinh doanh và thu nhập từ rất nhiều nguồn khác nhau, mỗi ngành một ít vì sản xuất không tập trung quy mô nhỏ xen kẽ nhiều loại khác nhau và theo từng đợt gần như là vào từng thời điểm thì nguồn thu nhập sẽ khác nhau ở từng thời điểm đó, một phần thu nhập từ đi làm thuê.

Thu nhập của một hộ/năm của 2 nhóm hộ có sự chênh lệch nhau nhóm hộ nghèo có thu nhập thấp nhất với 12 triệu đồng/năm nguồn thu nhập từ nhiều nguồn khác nhau từ cả nông lâm nghiệp và làm thuê, thu nhập khác, bình quân mỗi tháng tổng thu nhập của cả hộ gia đình vào khoảng 1 triệu đồng và thu nhập bình quân mỗi khẩu vào khoảng 250 nghìn đồng. Hộ cận

nghèo có nguồn thu nhập khá hơn tổng thu nhập của cả hộ gia đình 1 năm vào khoảng 22 triệu đồng với thu nhập một tháng của cả hộ vào khoảng 1,8 triệu đồng thu nhập bình quân một khẩu trong một tháng vào khoảng 450 nghìn đồng. Muốn thoát nghèo và nâng cao thu nhập thì đối với hộ nghèo và cận nghèo cần có các giải pháp phù hợp. Các hộ cần mạnh dạn hơn trong đầu tư vào sản xuất, cần học hỏi sử dụng công nghệ thông tin để khắc phục những hạn chế trong sản xuất ở những năm trước, tranh thủ thời gian rảnh sau mùa vụ kiếm việc làm thêm để tạo thu nhập, hoặc đối với các hộ ít ruộng mà nhân lực thì nhiều thì nên xuất khẩu lao động sang các nước để kiếm thêm thu nhập và chính sách địa phương cũng cần quan tâm đến đời sống của người dân. Thu nhập khẩu/tháng của các nhóm hộ nghèo và cận nghèo chênh lệch nhau là rất ít, làm đến đâu thì phục vụ cuộc sống đến đó có khi còn không đủ ở mức tối thiểu và hầu hết không hoặc ít tích lũy được tiền mặt.

Như vậy, có thể thấy thu nhập bình quân rất thấp của các hộ nghèo và hộ cận nghèo có ảnh hưởng không nhỏ đến cuộc sống cũng như sinh hoạt của các hộ này. Các hộ không nghèo thu nhập bình quân đầu người cao hơn đủ cho gia đình trang trải cuộc sống, cũng có các hộ khá và giàu nhưng rất ít nhìn chung vẫn còn các hộ trung bình nhiều vậy nên cần có những biện pháp để tăng thu nhập cho hộ nông dân góp phần nâng cao đời sống của họ.

Bảng 3.9: Tình hình thu nhập của các hộ điều tra

Đơn vị : triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Hộ nghèo		Hộ cận nghèo	
		Giá trị	Cơ cấu (%)	Giá trị	Cơ cấu (%)
I	Tổng thu nhập hộ/năm	12	100,00	22	100,00
1	Nông nghiệp	4	33,33	8	36,36
2	Lâm nghiệp	3	25,00	6	27,28
3	Đi làm thuê và các thu nhập khác	5	41,67	8	36,36

(Nguồn: Số liệu điều tra và xử lý số liệu, 2020)

3.4. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới giảm nghèo của các hộ

3.4.1. Ảnh hưởng của các nhân tố chủ quan

Kết quả điều tra được thể hiện ở bảng 3.10. Các hộ nghèo đều do nhiều nguyên nhân mang lại như: thiếu vốn, thiếu đất canh tác, thiếu kinh nghiệm sản xuất, thiếu lao động, lười lao động, thiếu việc làm, gia đình có người tàn tật, có nợ nhiều kéo dài. Tập trung điều tra khảo sát hai nhóm hộ nghèo và cận nghèo về nguyên nhân dẫn tới nghèo của các hộ. Để tìm ra nguyên nhân dẫn tới nghèo và cận nghèo để đưa ra biện pháp cho các nông hộ nông dân.

Bảng 3.10: Yếu tố ảnh hưởng đến nghèo của hộ nông dân

Nội dung	Số hộ	Tỷ lệ (%)
Thiếu kinh nghiệm SX	40	44,44
Thiếu vốn	22	24,44
Thiếu đất canh tác	12	13,33
Thiếu lao động	8	8,89
Thiếu việc làm	23	25,56
Một số nguyên nhân khác (Gia đình có người ốm đau, mất sức lao động,...)	4	4,44

(Nguồn: Tổng hợp từ các phiếu điều tra)

Nguyên nhân ảnh hưởng đến nghèo được các hộ lựa chọn nhiều nhất là thiếu kinh nghiệm sản xuất, chiếm 44% số hộ lựa chọn. Ngoài ra một số nguyên nhân khác như thiếu vốn, không có việc làm,... một số hộ thì không giám đầu tư vào sản xuất vì giá đầu vào cao mà quá trình sản xuất có thể gặp nhiều rủi ro do tốn nhiều chi phí phát sinh và đầu ra lại không ổn định giá bán ra thì thấp hơn so với thị trường vì vậy cần có những biện pháp giúp các hộ nghèo có khả năng vay vốn phát triển sản xuất kinh doanh từ đó mới nâng cao thu nhập cho người nghèo.

Đồng người không trong độ tuổi lao động vừa là nguyên nhân vừa là hệ quả của nghèo đói. Tình trạng sinh nhiều con, thực tế cho thấy có một số hộ đông con nên dẫn đến đói nghèo hoặc gia đình có người ốm đau bệnh tật chi

trả cho việc chữa bệnh quá nhiều, những điều này làm cho cuộc sống gia đình của họ gặp rất nhiều khó khăn. Từ những tổng hợp trên cho thấy các yếu tố về vốn, đất đai và kinh nghiệm sản xuất của các hộ nghèo thấp. Những điều này là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến tình trạng đói nghèo kéo dài của các hộ nông dân. Vì vậy Nhà nước và địa phương cần có những biện pháp hỗ trợ về vốn, đất đai... để tăng thu nhập người nghèo làm giảm tỉ lệ hộ nghèo. Do số người trong gia đình nhiều nên chi tiêu những vấn đề thiết yếu hàng ngày khá cao, tổng thu nhập không đủ để trang trải hàng ngày, hoặc làm ngày nào ăn hết ngày đó. Không có các khoản tích lũy do vậy việc thoát nghèo đói trở nên bế tắc.

3.4.2. Ảnh hưởng của các yếu tố khách quan

Trình độ phát triển kinh tế xã hội ở xã: giao thông không thuận tiện nên việc đi lại của người dân còn khó khăn, giao thông đi lại khó khăn cản trở đến việc khó cung cấp được hoặc tận dụng các dịch vụ khuyến nông, giáo dục, chăm sóc sức khỏe, tiếp cận với những kiến thức hiện đại, cuối cùng họ cũng không biết cách nào khác hơn để thoát cảnh nghèo.

- *Vị trí địa lý* Nghĩa Thuận là xã nghèo của huyện Quảng Bạ, Hà Giang, vị trí địa lý không thuận lợi ở những nơi xa xôi hẻo lánh, địa bàn phức tạp. Đây chính là nguyên nhân chính dẫn đến tỷ lệ đói nghèo cao, do điều kiện như vậy họ khó tiếp cận được các nguồn lực phát triển kinh tế chủ yếu là tự cấp, tự túc là yếu tố khách quan tác động mạnh mẽ đến vấn đề đói nghèo.

- *Điều kiện tự nhiên:* Bên cạnh địa hình khó khăn, giao thông không thuận lợi thì thời tiết rét đậm, rét hại kéo dài trong nhiều tháng, mùa khô thiếu nước, hạn hán kéo dài đã gây ra khó khăn đối với hoạt động sản xuất ngành nông nghiệp cũng như trong sinh hoạt, lúa nước ở xã chỉ trồng được một vụ, dẫn đến tỷ lệ hộ nghèo của xã còn cao.

- Trong sản xuất trồng trọt, khó khăn lớn nhất là hệ thống kênh mương chưa phát triển nên không đủ nước tưới cho cây trồng, đặc biệt là cho lúa và hoa màu. Giá sản xuất đầu vào cao trong khi đó nguồn đầu ra ít, không ổn

định mà giá đầu ra lại thấp do vị trí xa xôi, giao thông đi lại cò khó khăn. Hiện nay ở nhiều xóm trong xã có hệ thống kênh mương, cống đập, trạm bơm chủ yếu vẫn còn tạm bợ, chưa kiên cố, có xóm xuống cấp nghiêm trọng tác động trực tiếp đến việc giảm sản lượng năng suất cây trồng.

- *Hạ tầng cơ sở* như đường giao thông, điện, trường học, trạm y tế, chưa đầu tư đầy đủ, nhất là hệ thống giao thông đi lại còn rất khó khăn, đường bê tông đi vào xã xuống cấp trầm trọng, thị trường lao động, vốn, hàng hóa vẫn còn rất kém phát triển chưa có chính sách thích hợp thu hút đầu tư.

- *Các yếu tố khác* (cờ bạc, lô đề, nghiện...): Tệ nạn cờ bạc, nghiện ngập trên địa bàn xã ngày càng nhiều, có gia đình sắp thoát được nghèo nhưng do nghiện cờ bạc, lô đề, nghiện rượu không có sức đề lao động nên tình trạng nghèo không những ngày một được cải thiện mà còn dẫn đến nghèo đói hơn trước.

3.5 Đánh giá chung về công tác giảm nghèo trên địa bàn xã Nghĩa Thuận

3.5.1 Những mặt đạt được

Công tác xóa đói giảm nghèo số hộ thoát nghèo ở địa bàn xã Nghĩa Thuận trong những năm gần đây được thống kê theo bảng 3.11 sau :

Bảng 3.11: Số hộ thoát nghèo qua các năm

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020	
	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)
Hộ nghèo	470	66,01	459	63,49	399	54,58
Hộ thoát nghèo tính đến cuối năm	11	2,34	60	13,07	67	16,79
Tổng số hộ dân	712		723		731	

Nguồn: (UBND xã Nghĩa Thuận)

Năm 2018 số hộ nghèo đầu năm là 470 hộ trên tổng số 712 hộ trong năm có 11 hộ thoát nghèo với tỉ lệ 2,34%, năm 2019 số hộ thoát nghèo trong năm là 60 hộ tương ứng với tỷ lệ 13,07%, đến năm 2020 tổng số hộ dân tăng

lên 731 hộ trong đó số hộ nghèo đầu năm là 399 hộ số hộ thoát nghèo tính đến cuối năm là 67 hộ tương ứng với tỷ lệ là 16,79%. Qua số liệu trên cho thấy đã có sự nỗ lực của người dân và chính quyền các cấp trong công tác giảm nghèo. Điều này cho thấy công tác giảm nghèo của xã đã được cải thiện. Các hộ thoát được nghèo ngoài sự nỗ lực của chính các hộ đó còn sự quan tâm của chính quyền các cấp. Đó là sự cố gắng của những cán bộ làm công tác giảm nghèo. Người dân được cấp giống cho người nghèo là những công tác tiết thực ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống sản xuất của nhân dân làm tăng nguồn thu của họ. Đặc biệt là chương trình hỗ trợ vay vốn tạo điều kiện cho họ có nguồn vốn để sản xuất và phục vụ cho việc sản xuất được tốt hơn. Cần có chính sách thiết thực hơn đối với những hộ vừa thoát nghèo có như vậy thì công tác xóa đói giảm nghèo mới đạt được hiệu quả. Tránh để tình trạng tái nghèo rồi lại rơi vào cảnh nghèo làm cho các hộ nghèo không còn ý chí muốn vươn lên trong cuộc sống, mất niềm tin vào các cấp chính quyền. Trong 3 năm qua xã Nghĩa Thuận đã chỉ đạo quyết liệt tập chung thực hiện tốt công tác giảm nghèo đã đạt được một số kết quả nhất định đó là:

Công tác phối kết hợp giữa các ngành, các cấp, về thực hiện chương trình giảm nghèo theo nhiệm vụ phân công đã có nhiều cố gắng, nhất là cán bộ chuyên môn đã phối hợp tốt với chi bộ. Ban quản lý các bản trong việc thực hiện giảm nghèo hàng năm.

Xã đã tuyên truyền phổ biến chủ trương, chính sách giảm nghèo được thực hiện thường xuyên.

Người nghèo được cấp thẻ khám, chữa bệnh miễn phí, nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân được đáp ứng kịp thời, người nghèo được hưởng thụ các chính sách của Đảng và Nhà nước, các đối tượng bảo trợ xã hội được trợ cấp hàng tháng theo quy định. Từ những kết quả đạt được cơ bản của bộ mặt nông thôn xã Nghĩa Thuận đã có chuyển biến, đời sống vật chất, tinh thần của nhân trong xã nói chung và hộ nghèo nói riêng cơ bản được ổn định, góp phần to lớn trong nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng an ninh của địa phương, tạo tiền đề thuận lợi cho công tác giảm nghèo trong thời gian tới.

Chương trình cho vay vốn phục vụ người nghèo, tổ chức các lớp tập huấn kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, tăng cường cải tạo giống cây trồng, vật nuôi..., bên cạnh đó các ban, ngành, đoàn thể của xã cũng đã khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia công tác giảm nghèo như: xóa nhà tạm, xây dựng nhà tình thương...

Các chính sách hỗ trợ cho người nghèo đã thực hiện tốt đạt hiệu quả cao như: Chính sách tín dụng ưu đãi hộ nghèo vay vốn giải quyết việc làm, xây dựng nhà ở; Phối hợp với BHXH cấp phát thẻ BHYT cho các hộ nghèo kịp thời; phối hợp với các cơ quan hữu quan trong huyện và các tổ chức từ thiện, tổ chức khám sức khỏe miễn phí cho người nghèo; thực hiện chính sách hỗ trợ giáo dục cho người nghèo theo nghị định 49 của Chính phủ; chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở và chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo...

3.5.2. Những khó khăn, hạn chế

Trong những năm qua mặc dù được sự quan tâm của chính quyền các cấp, đội ngũ cán bộ trong công tác xóa đói giảm nghèo, đã tích cực thực hiện tốt các chính sách chủ trương của nhà nước. Tuy nhiên kết quả giảm nghèo chưa bền vững, tỷ lệ nghèo vẫn còn rất cao, tỷ lệ thoát nghèo hàng năm thấp vẫn còn tình trạng tái nghèo và còn tồn tại những mặt hạn chế sau :

Nguồn hỗ trợ còn yếu kém một số địa phương nhận được rất ít một số hộ nằm trong hộ nghèo nhưng số hỗ trợ cho họ phát triển là ít, nguồn ngân sách vẫn còn tình trạng thất thoát ngân sách, kinh phí được cấp từ trung ương nhưng khi đến tay dân thì số kinh phí không phải là con số thống kê của xã mà phần nào đã thất thoát, do người dân thiếu hiểu biết nên rất thiệt thòi, bao nhiêu nguồn ngân sách cùng với số kinh phí hàng năm đầu tư để giảm nghèo nhưng có nhiều chương trình chỉ được tính bề ngoài thực chất nó còn hạn chế và yếu kém, cần có những cán bộ có tâm huyết quyết tâm vì nhân dân vì sự nghiệp xóa đói giảm nghèo thì những chính sách xóa đói giảm nghèo mới thực sự có hiệu quả ngoài ra còn có thể đề xuất các phương án cụ thể thiết thực hơn với nhu cầu cần thiết để phục vụ người dân sản xuất từ đó cán bộ lãnh đạo mới có các chính sách hợp lý.

Hạ tầng cơ sở còn thấp kém, thiếu tính bền vững, đặc biệt là giao thông, nước sạch và thủy lợi. Công tác quản lý, sử dụng một số công trình thủy lợi, nước sạch còn buông lỏng, hiệu quả công trình đạt thấp.

Người dân chưa tự giác kê khai thu nhập của gia đình, kê khai không chính xác vẫn muốn mình nằm trong công tác giảm nghèo để hưởng các chính sách của Đảng và Nhà nước về người nghèo, một số còn muốn ỷ lại trông chờ vào các chính sách hỗ trợ của nhà nước.

Vốn hỗ trợ người nghèo còn ít, thời gian ngắn và không đồng đều có hộ xếp vào hộ nghèo nhưng đến nay vẫn chưa được vay vốn để làm ăn, một số hộ thì còn sợ sệt, chưa dám mạnh dạn vay vốn để sản xuất vì sợ vay rồi không có khả năng trả, nhiều hộ vay vốn để sản xuất nhưng khi vay được rồi thì chưa đầu tư sản xuất gì thì đã tiêu dùng gần hết số vốn vay được từ ngân hàng nhiều hộ có đầu tư sản xuất nhưng trình độ và tầm hiểu biết còn kém dẫn đến việc sản xuất không đem lại hiệu quả mà còn bị lỗ vốn còn có thể mất trắng chính vì vậy vốn vay chưa phát huy được hiệu quả.

Công tác khuyến nông còn hạn chế: Đa số người nghèo chưa tiếp cận dịch vụ khuyến nông, phương pháp khuyến nông thích hợp cho người nghèo chưa được triển khai áp dụng

Tình trạng người lao động chưa qua đào tạo, thiếu kiến thức làm ăn vẫn còn nhiều. Ngành nông nghiệp vẫn là ngành sản xuất cơ bản đối với nền kinh tế nông hộ của xã tuy nhiên hiện nay vấn đề đầu tư cho sản xuất nông nghiệp vẫn còn nhiều hạn chế. Các nông hộ còn e ngại trong việc đầu tư các giống cây trồng mới, con giống có giá trị kinh tế cao vì lo cho đầu ra sản phẩm.

Một số hộ nghèo còn có ý thức chưa cao vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại và chế độ đãi ngộ, chính sách ưu đãi chưa được khắc phục vươn lên để thoát nghèo.

Sản xuất nông nghiệp mặc dù có những đầu tư đáng kể nhưng hiệu quả chưa đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ và sự mong đợi của nhân dân, việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi tiến hành còn chậm.

Chưa huy động được nhiều sự giúp đỡ của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, các nhà hảo tâm nên nguồn vốn họ nhận được còn hạn chế. Do ngân

sách nhà nước giới hạn nện việc hỗ trợ cho các xã nghèo còn chậm, chỉ mang tính bình quân. Không đáp ứng được những yêu cầu của hộ nghèo cần sự giúp đỡ. Với đồng vốn giúp đỡ hạn hẹp họ chỉ đủ sống không có tích lũy, lỡ xảy ra thiên tai, dịch bệnh hay các rủi ro khác thì nguy cơ tái nghèo rất lớn.

Trang thiết bị phục vụ cho việc khám chữa bệnh còn hạn chế nên không thể đáp ứng tình hình sức khỏe cho người dân, nhất là hộ nghèo, cận nghèo. Hệ thống thông tin còn yếu kém, chưa rộng khắp, nên việc nắm bắt tin tức về những chính sách xóa đói giảm nghèo của nhà nước đối với họ còn chưa nhiều. Khó tiếp cận được với kinh nghiệm làm ăn, những mô hình sản xuất mới, tấm gương của nông dân vượt khó thoát nghèo...

Công tác giảm nghèo của xã trong 3 năm gần đây được các cấp, các ngành quan tâm, cho nên đã đạt được những thành tựu đáng kể. Tuy nhiên, tỷ lệ hộ nghèo của xã vẫn còn cao hơn so với bình quân chung của huyện.

3.6. Một số giải pháp giảm nghèo tại xã Nghĩa Thuận

Thông qua phân tích tình hình thực tế của các hộ nghèo, các chính sách giảm nghèo, nguyên nhân cũng như yếu tố ảnh hưởng tới các hộ nghèo em xin đưa ra một số giải pháp để giảm nghèo như sau:

3.6.1 Giải pháp về vốn

Từ thực trạng các hộ nghèo và phân tích các nguyên nhân dẫn đến nghèo thiếu vốn sản xuất chiếm tỷ lệ cao. Vì vậy trong thời gian tới cần tăng cường nguồn vốn và đầu tư cho vay có trọng tâm, trọng điểm, kiểm soát chặt chẽ, phát huy vai trò trách nhiệm của ban chỉ đạo giảm nghèo của xã trong công tác phối hợp với các Ban ngành đoàn thể xã Ban quản lý các xóm theo dõi, đôn đốc và thường xuyên kiểm tra việc sử dụng nguồn vốn vay của các hộ nghèo từ đó sớm phát hiện và điều chỉnh ngay những phương án hoặc những hộ sử dụng nguồn vốn không có hiệu quả. Nâng cao trình độ cho người nghèo, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho người nghèo được đi học, tạo nhiều điều kiện thích hợp cho các hộ nghèo phát triển kinh tế, tự vươn lên xóa đói

giảm nghèo để được hướng dẫn cách làm ăn, không tiêu pha lãng phí, tự vươn lên xóa đói giảm nghèo.

Đối với các hộ nghèo khi cho vay vốn thì phải tư vấn cách thức làm ăn cho họ, tránh để họ vay vốn sử dụng sai mục đích, nguồn vốn cho vay không hiệu quả. Ban ngành toàn xã và ban quản lý các xóm cần theo dõi, đôn đốc và thường xuyên kiểm tra việc sử dụng nguồn vốn vay của các hộ nghèo từ đó sớm phát hiện và điều chỉnh ngay những phương án hoặc những hộ sử dụng không hiệu quả. Cần nâng cao số vốn cho vay và thời gian cho vay để họ yên tâm sản xuất đầu tư vào lĩnh vực thời gian dài hơn. Nhóm hộ này nên mạnh dạn vay vốn từ các tổ chức tín dụng dành cho hộ nghèo để đầu tư cho sản xuất và không ngừng học hỏi kinh nghiệm sản xuất của các nhóm hộ làm ăn giỏi.

3.6.2 Giải pháp về khoa học kỹ thuật

Bên cạnh vốn thì cần trang bị cho người dân kiến thức về khoa học kỹ thuật. Để làm được điều này cần tăng cường cán bộ mở các lớp tập huấn, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật cho hộ nghèo đưa giống mới, giống có năng suất chất lượng cao, cùng với việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng cho từng hộ hoặc một nhóm hộ có khả năng sản xuất tốt để các hộ khác làm theo.

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa, chuyển đổi cơ cấu mùa vụ phù hợp với đặc điểm từng vùng, từng khu vực, đồng thời nhân rộng các quy mô sản xuất có hiệu quả kinh tế cao. Hỗ trợ các dịch vụ xã hội cơ bản như nhà ở, nước sạch, bảo hiểm y tế, giáo dục, tiếp cận thông tin, đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Hỗ trợ sản xuất tập trung vào hỗ trợ trồng cây lương thực, cây công nghiệp, cây ăn quả, chăn nuôi gia súc; giao đất, giao rừng cho người dân gắn với phát triển và bảo vệ rừng, điều chỉnh các chính sách về giữ rừng, bảo vệ rừng; hỗ trợ lương thực, giống, khuyến nông, đào tạo nghề, lãi suất cho vay phát triển sản xuất; hỗ trợ cho doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn khó khăn và thu hút lao động tại chỗ gắn với hỗ trợ đào tạo nghề thông qua doanh nghiệp.

3.6.3 Giải pháp về đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng

Cùng với nguồn đầu tư từ ngân sách, cần huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực của các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp, cộng đồng; khuyến khích sự nỗ lực của người nghèo, hộ nghèo. Huy động các nguồn lực cho công tác giảm nghèo và thực hiện lồng ghép, sử dụng hiệu quả các nguồn lực.

- Tập trung các nguồn lực cho xây dựng giao thông nông thôn, giao thông nội đồng phục vụ tốt cho việc đi lại và vận chuyển nông sản, thực hiện theo phương châm “ nhân dân làm Nhà nước hỗ trợ”.

- Đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi. Thủy lợi là một trong những khâu then chốt quyết định đến năng suất cây trồng, chất lượng sản phẩm, nếu tháo gỡ được khâu tưới tiêu sẽ tạo ra cơ hội để từ đó giải quyết một lúc 2 vấn đề lớn: nâng dần hộ đồng đều về năng suất, tăng sản lượng chung trong vùng và giúp các hộ nghèo đói không có vốn đầu tư cho việc bơm nước tưới tiêu, mua vật liệu tự cải tạo đất.

Tuyên truyền động viên, vận động các hộ nghèo tự lực, tự cường nâng cao ý thức cố gắng nỗ lực không trông chờ ỷ lại vào xã hội bằng cách vượt qua khó khăn vươn lên thoát nghèo. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục sâu rộng tới mọi tầng lớp nhân dân nói chung và đặc biệt các hộ nghèo nói riêng nhằm giúp họ nâng cao nhận thức về chủ trương, chính sách của Đảng. Nhà nước, của tỉnh, huyện đối với việc thực hiện công tác giảm nghèo trong giai đoạn tới. Các hoạt động tuyên truyền cần thực hiện qua các hướng sau;

Sử dụng các phương tiện truyền thông thông tin đại chúng như; truyền hình, báo, đài phát thanh đại phương làm thay đổi dần về nhận thức cách nghĩ, cách làm nhằm từng bước nâng cao dân trí cho nhân dân trong toàn xã, nhất là vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Tổ chức các hoạt động tuyên truyền cổ động cho phong trào đổi mới tư duy, đổi mới phương thức làm ăn và hướng dẫn cách thoát nghèo, làm giàu chính đáng, chung sức chung lòng xây dựng nông thôn mới.

3.6.4 Giải pháp thị trường

Đề đẩy mạnh sản xuất, phát triển kinh tế, mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản cho nông dân cần nghiên cứu phát triển thị trường, đặc biệt là thị trường nội địa. Trong những năm tới cần quy hoạch xây dựng các chợ nhằm phát triển thị trường nông sản cho nông dân, tìm kiếm tiềm năng để thu hút đầu tư phát triển thương mại dịch vụ.

3.6.5 Giải pháp về việc làm

Vì đặc điểm cơ cấu kinh tế của xã chủ yếu là SXNN, lại mang tính mùa vụ nên khoảng thời gian nông nhàn là rất nhiều. Mở các lớp học nghề cho lực lượng thanh niên phát triển kinh tế ngay trong xã như sửa chữa xe máy, may, cơ khí, hàn xì,... họ có thể làm ngay tại xã hoặc tìm việc tại các khu công nghiệp. Khuyến khích các ngành dịch vụ phát triển. Do đó, cần khảo sát để kêu gọi đầu tư phát triển các tiềm năng mà địa bàn xã có mà vẫn chưa được khai thác để tạo lao động tại chỗ cho người dân trên địa bàn, hỗ trợ học nghề để người lao động có kinh nghiệm trong sản xuất cũng như đi lao động ở nơi khác, khuyến khích định hướng cho người lao động những công việc phù hợp có thu nhập vào các khoảng thời gian không có việc làm, nhàn dỗi sau mùa vụ.



KẾT LUẬN

Xã Nghĩa Thuận là một xã nghèo thuộc huyện Quan Bạ, tỉnh Hà Giang. Qua phân tích thực trạng các hộ nghèo ta thấy trên địa bàn xã vẫn đề về thu nhập, môi trường, việc làm cho các hộ nghèo đang là “bài toán” nan giải đối với cấp ủy, chính quyền nơi đây. Để nâng cao thu nhập và thoát nghèo bền vững cho người dân; cấp ủy, chính quyền xã tăng cường tuyên truyền, vận động người dân đi lao động tại các khu công nghiệp, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh; đồng thời, xác định cây Hồng không hạt là thế mạnh và mang lại giá trị kinh tế cao cho địa phương. Hướng dẫn người dân tiếp cận nguồn vốn vay theo Nghị quyết số 209 và 86 của HĐND tỉnh để phát triển kinh tế... Giảm nghèo là vấn đề của các quốc gia trên toàn cầu chứ không riêng một quốc gia nào. Đó là vấn đề khó khăn của các quốc gia đặc biệt là quốc gia nghèo, kém phát triển. Chính vì vậy giảm nghèo được xem là chương trình mục tiêu quốc gia, là nhiệm vụ chiến lược của nhà nước ta trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.

Khóa luận đã hệ thống được một số lý luận cơ bản về kinh tế hộ nông dân, giảm nghèo cho hộ nông dân. Nêu được thực trạng nghèo và giảm nghèo trên địa bàn xã Nghĩa Thuận.

Là xã thuộc tỉnh miền núi phía Đông Bắc của Việt nam tài nguyên và khí hậu chưa thực sự phục vụ tốt được cho nhu cầu phát triển nhưng người dân luôn lạc quan, chăm chỉ, chịu khó và có ý chí vươn lên trong cuộc sống luôn tìm cách để phát triển kinh tế của mình. Kết quả giảm nghèo thời gian qua ở xã là đáng ghi nhận nhưng tỷ lệ nghèo còn trên 50%, đây là con số cao nên công cuộc giảm nghèo cần các cấp ban ngành quan tâm trong thời gian tới.

Từ phân tích thực trạng nghèo ta nhận thấy nguyên nhân dẫn đến nghèo tại các thôn bản trong xã cho thấy, nghèo tại xã Nghĩa Thuận có rất nhiều nguyên nhân như: Lao động không có kỹ thuật và kinh nghiệm sản xuất, lao động thiếu việc làm vì thế nhiều hoạt động sản xuất không mang lại hiệu quả,

thu nhập không cao. Bên cạnh đó địa hình phức tạp, thiên tai lũ lụt, hạn hán thường xảy ra gây cản trở cho việc sản xuất, kinh doanh; năng suất cây trồng thấp trong khi khoa học công nghệ áp dụng vào sản xuất còn rất kém. Trình độ dân trí chưa cao, nguồn vốn trong dân dành cho sản xuất còn ít, chưa có cơ sở chế biến nông sản. Công nghiệp, dịch vụ, du lịch phát triển còn chậm chưa phát huy hết tiềm năng của địa phương. Lực lượng lao động nông nghiệp còn chiếm tỷ lệ cao.

Mặc dù có những khó khăn nhất định nhưng thời gian qua Ủy ban và chính quyền xã đã có những thành công nhất định trong công tác giảm nghèo do đó, tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo có xu hướng giảm qua 3 năm. Trên cơ sở những nguyên nhân tồn tại trên và những định hướng giảm nghèo cho các hộ dân. Qua đó một số giải pháp đã được đưa nhằm giảm tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo của xã trong thời gian tới.



TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thủ tướng chính phủ (1998), *Quyết định số 135/1998/QĐ- TTg- chương trình 135(gồm giai đoạn I và giai đoạn II)*, Hà Nội.
2. Thủ tướng chính phủ (2015), *Quyết định số 59/2015/ QĐ –TTg ngày 19/11/2015 về việc ban hành chỉ tiêu và mức chuẩn nghèo theo phương pháp tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 -2020*.
3. UBND xã Nghĩa Thuận (2018), *Báo cáo tình hình thực hiện các mục tiêu kinh tế -xã hội, an ninh – quốc phòng năm 2016 và phương hướng nhiệm vụ mục tiêu kinh tế - xã hội, an ninh – quốc phòng năm 2018*, xã Nghĩa Thuận
4. UBND xã Nghĩa Thuận (2018), *Báo cáo kết quả công tác năm 2018 phương hướng nhiệm vụ năm 2019*, xã Nghĩa Thuận
5. UBND xã Nghĩa Thuận (2019), *Báo cáo kết quả công tác năm 2018 phương hướng nhiệm vụ năm 2020*, xã Nghĩa Thuận
6. UBND xã Nghĩa Thuận (2018), *Báo cáo kết quả hộ nghèo, hộ cận nghèo từng khu của xã Nghĩa Thuận năm 2018*, xã Nghĩa Thuận.
7. UBND xã Nghĩa Thuận (2019), *Báo cáo kết quả hộ nghèo, hộ cận nghèo từng khu của xã Nghĩa Thuận năm 2019*, xã Nghĩa Thuận.
8. UBND xã Nghĩa Thuận (2020), *Báo cáo kết quả hộ nghèo, hộ cận nghèo từng khu của xã Nghĩa Thuận năm 2020*, xã Nghĩa Thuận.

